

CÔNG TY TNHH WHITEROCK

----o0o----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

**NHÀ MÁY GIA CÔNG ĐÁ GRANITE
CÔNG SUẤT 96.000M² SẢN PHẨM/NĂM**

Địa điểm thực hiện: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú,
Tỉnh Bình Phước.

Bình Phước, tháng năm 2023

CÔNG TY TNHH WHITEROCK

-----o0o-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

NHÀ MÁY GIA CÔNG ĐÁ GRANITE CÔNG SUẤT 96.000M² SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm thực hiện: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú,
Tỉnh Bình Phước.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH WHITEROCK
Giám đốc



LANG LINGFENG

Bình Phước, tháng năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
Chương 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên cơ sở.....	1
1.2.1. Tên cơ sở.....	1
1.2.2. Địa điểm cơ sở	1
1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):	2
1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):.....	2
1.2.5. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về cơ sở công) ..	2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	7
1.4.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	11
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	11
1.5.2. Tiến độ, vốn, tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	18
1.5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	19
Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	20
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	20
Chương 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	21
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	21

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	21
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	21
3.1.3. Xử lý nước thải	22
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	25
3.2.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải	25
3.2.2. Giảm thiểu bụi từ quá trình vận chuyển, lưu trữ nguyên vật liệu sản xuất.....	25
3.2.3. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất.....	26
3.2.4. Kiểm soát ô nhiễm do hoạt động của khu vực chứa hóa chất	27
3.2.5. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng	27
3.2.6. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ khu vực kho chứa rác	27
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	28
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	28
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	29
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	30
3.5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	32
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	33
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	42
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).....	42
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).....	42
Chương 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	43
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	43
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	43
4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa.....	43
4.1.3. Dòng nước thải.....	43
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	43
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	44
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	44
4.2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	44
4.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	44
4.2.3. Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung	44
Chương 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	45
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	45
5.1.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022.....	45

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	46
5.2.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2022.....	46
Chương 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	50
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	50
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	50
6.2.1 Giám sát nước thải	50
6.2.2 Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.....	50
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	50
Chương 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	51

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BYT	: Bộ y tế
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CSHT	: Cơ sở hạ tầng
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTXL	: Hệ thống xử lý
NTSH	: Nước thải sinh hoạt
NTXD	: Nước thải xây dựng
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QLDA	: Quản lý dự án
QLMT	: Quản lý môi trường
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TVĐT	: Tư vấn cơ sở
UBND	: Ủy ban nhân dân
UBMTTT	: Ủy ban mặt trận tổ quốc
VOC	: Cacbon hữu cơ bay hơi
VN	: Việt Nam

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1 Bảng tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở	1
Bảng 1.2 Sản phẩm và công suất tại cơ sở.....	6
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động của cơ sở	7
Bảng 1.4 Thành phần, tính chất nguyên liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động sản xuất của cơ sở	7
Bảng 1.5 Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	9
Bảng 1.7 Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở	10
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở	11
Bảng 1.10 Cơ cấu sử dụng đất tại cơ sở	12
Bảng 3.1 Thông số kỹ thuật của hệ thống lắng nước thải sản xuất	25
Bảng 3.2 Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở	29
Bảng 3.3 Bảng tổng hợp loại chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh.....	31
Bảng 3.4 Bảng phân công trách nhiệm từng bộ phận.....	37
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của cơ sở	43
Bảng 5.1: Danh mục thông số quan trắc	45
Bảng 5.2: Tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong năm 2022	46
Bảng 5.3 Danh mục thông số quan trắc chất lượng không khí.....	47
Bảng 5.4 Danh mục thông số quan trắc chất lượng vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng.....	47
Bảng 5.5 Tổng hợp các kết quả quan trắc vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng định kỳ trong năm 2022.....	47
Bảng 5.6 Tổng hợp các kết quả quan trắc khí thải định kỳ trong năm 2022	48
Bảng 6.1 Chương trình giám sát nước thải	50
Bảng 6.3 Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm.....	50

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1 Vị trí và các đối tượng xung quanh cơ sở	2
Hình 1.2 Quy trình sản xuất tại cơ sở.....	4
Hình 1.3 Hình ảnh sản phẩm tại cơ sở.....	6
Hình 1.4 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở.....	15
Hình 1.5 Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại cơ sở.....	16
Hình 1.6. Sơ đồ tổ chức quản lý vận hành cơ sở.....	19
Hình 3.1 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở.....	21
Hình 3.2 Sơ đồ thu gom, thoát nước thải hiện hữu tại cơ sở.....	22
Hình 3.3 Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	23
Hình 3.4 Sơ đồ hệ thống lắng nước thải sản xuất tại cơ sở	24
Hình 3.5. Sơ đồ thu gom chất thải tại cơ sở	28
Hình 3.6 Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy	35
Hình 3.7 Sơ đồ tổ chức Ban phòng chống sự cố tại Công ty	37

Chương 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH WHITEROCK

- Địa chỉ văn phòng: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Lang Lingfeng;
- Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801239934 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH Whiterock.

1.2. Tên cơ sở

1.2.1. Tên cơ sở

NHÀ MÁY GIA CÔNG ĐÁ GRANITE CÔNG SUẤT 96.000M² SẢN PHẨM/NĂM

1.2.2. Địa điểm cơ sở

Dự án “Nhà máy gia công đá Granite công suất 96.000m² sản phẩm/năm” được đầu tư tại Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Công ty TNHH Whiterock thuê lại đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Bình Nguyên theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18/HĐ 2021 ngày 06/07/2021 để thực hiện Dự án. Tổng diện tích đất là 17.369,4 m².

Vị trí tiếp giáp của Dự án như sau:

- Phía Bắc: Giáp quốc lộ 14;
- Phía Đông: Đất trống;
- Phía Nam: Đất trống;
- Phía Tây: Đất trống.

Tọa độ địa lý giới hạn khu đất dự án (VN 2000), xem bảng sau:

Bảng 1.1 Bảng tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở

ĐIỂM	X(m)	Y(m)
1	578102.02	1280286.86
2	578349.38	1280030.38
3	578300.32	1279997.70
4	578064.76	1280256.21

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

Vị trí dự án với các đối tượng xung quanh được thể hiện trong hình sau:



Hình 1.1 Vị trí và các đối tượng xung quanh cơ sở

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):

Công ty TNHH Whiterock đã được cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án “Nhà máy gia công đá Granite công suất 96.000m² sản phẩm/năm” như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801239934 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH Whiterock.
- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18/HĐ 2021 ngày 06/07/2021 giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bình Nguyên.
- Hợp đồng dịch vụ số 143/2022/HĐ/AH-WR ngày 20/12/2022 Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy.

1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 02/02/2021 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Phú cấp cho Công ty TNHH Whiterock.

1.2.5. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về cơ sở công)

Tổng vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng).

→ Dự án thuộc nhóm C - thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng.

– **Về loại hình Dự án:** Dự án sản xuất, gia công đá Granite, đá Marble, đá thạch anh nhân tạo và đá tự nhiên.

→ Căn cứ theo Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

– **Về quy mô diện tích:** 17.369,4 m².

→ Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 25 và Phụ lục III, IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì quy mô diện tích sử dụng đất của dự án thuộc loại quy mô nhỏ.

→ Căn cứ theo Điểm b, khoản 5, Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và mục số 2 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án thuộc Dự án đầu tư nhóm III.

Trên các cơ sở đó, Dự án “Nhà máy gia công đá Granite công suất 96.000m² sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Whiterock thuộc Dự án đầu tư nhóm III. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và trình UBND Huyện Đồng Phú – Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện Đồng Phú thẩm duyệt.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

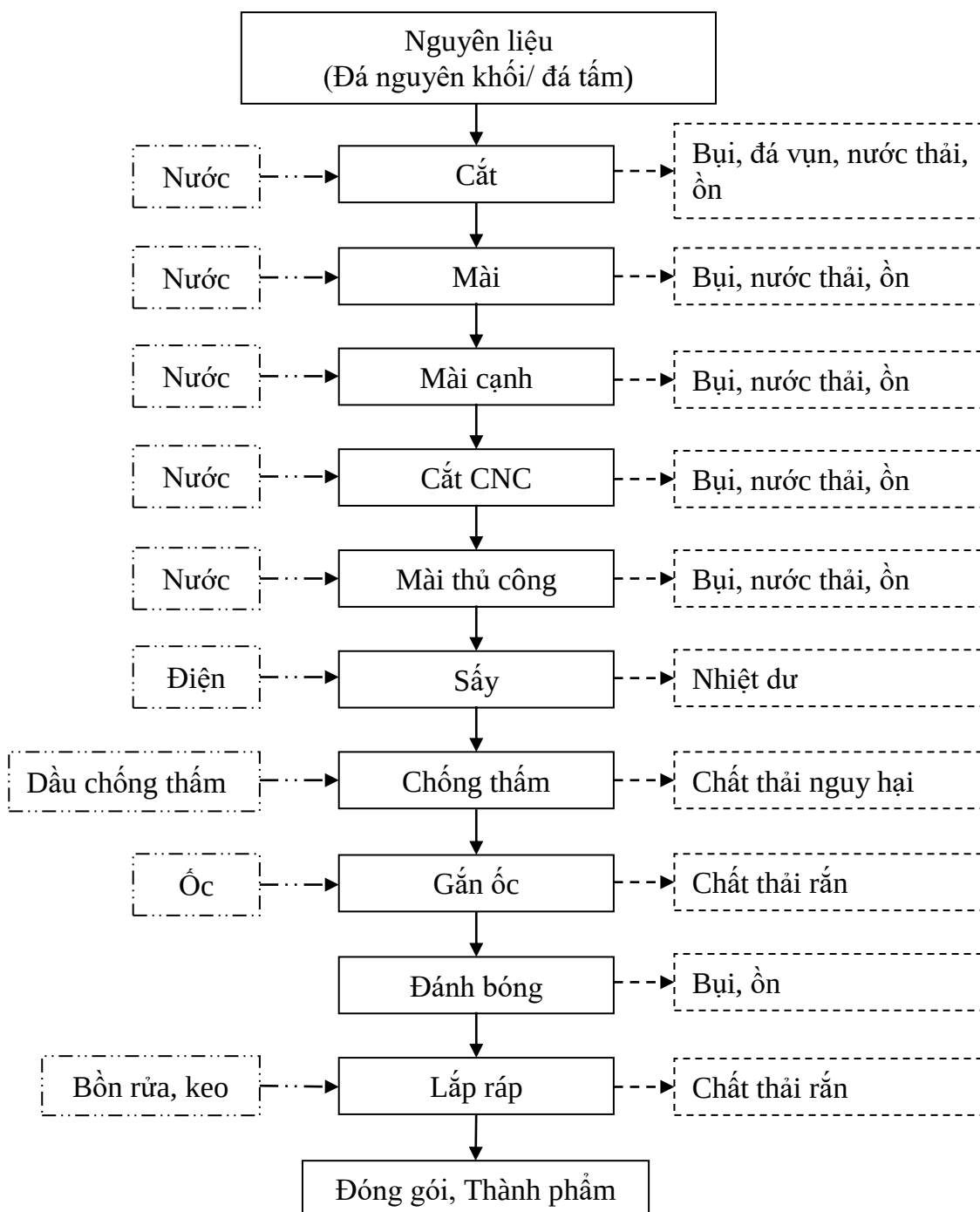
Gia công đá Granite công suất 96.000m².

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công ty TNHH Whiterock đã được UBND Huyện Đồng Phú cấp Giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 02/02/2021. Quy trình công nghệ sản xuất của Cơ sở theo Kế hoạch BVMT đã đăng ký được thể hiện như sau: Đá nguyên khối → Cắt nhỏ → Chà nhám cạnh → Cắt CNC → Chà bề mặt → Làm khô → Đóng gói, thành phẩm.

Hiện tại, Quy trình sản xuất tại Cơ sở không thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt. Tuy nhiên, tại phạm vi báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường công ty chỉ tiến hành chi tiết hóa các công đoạn, cụ thể dòng cấp liệu, dòng thải có khả năng phát sinh tại Dự án.

Quy trình công nghệ sản xuất như sau:



Hình 1.2 Quy trình sản xuất tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu: Nguyên liệu sử dụng tại Công ty là: Đá Granite, đá Marble, đá thạch anh nhân tạo và đá tự nhiên được công ty nhập khẩu từ các đơn vị đối tác trong và ngoài nước. Tùy theo đơn hàng yêu cầu là đá nguyên khối hay đá tấm mà sẽ chuyển qua công đoạn cắt hoặc mài.

Cắt: Đá nguyên khối sẽ được gia công cắt tại công đoạn này, Đá nguyên khối sẽ được cắt thành tấm nhỏ theo đúng kích thước đơn hàng sau đó chuyển qua công đoạn mài, đá tấm sẽ được chuyển qua công đoạn mài mặt. Tại quá trình cắt Công ty sử dụng nước với mục đích làm giảm nhiệt độ, áp suất, bụi khi ma sát giữa lưỡi cắt và mặt đá. Nước thải chứa bụi sẽ được thu gom theo các mương nước dẫn về cụm bể lắng nước thải cục bộ sau đó tuần hoàn tái sử dụng, cặn lắng sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

Mài: Tại công đoạn này công nhân sẽ mài bề mặt để giảm độ gồ ghề, sắc bén của đá sau khi cắt nhằm tạo độ an toàn và tính thẩm mỹ cao cho sản phẩm. Đá sau khi hoàn thành công đoạn mài bề mặt sẽ được công nhân chuyển qua công đoạn mài cạnh. Tại quá trình mài mặt Công ty sử dụng nước với mục đích làm giảm nhiệt độ, áp suất, bụi khi ma sát giữa máy mài và mặt đá. Nước thải chứa bụi sẽ được thu gom theo các mương nước dẫn về cụm bể lắng nước thải cục bộ sau đó tuần hoàn tái sử dụng, cặn lắng sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

Mài cạnh: Tại đây công nhân sẽ thực hiện công đoạn mài cạnh nhằm giảm độ sắc bén của đá, tiếp theo sẽ đưa qua máy cắt kỹ thuật CNC. Tại quá trình mài cạnh Công ty sử dụng nước với mục đích làm giảm nhiệt độ, áp suất, bụi khi ma sát giữa máy mài và mặt đá. Nước thải chứa bụi sẽ được thu gom theo các mương nước dẫn về cụm bể lắng nước thải cục bộ sau đó tuần hoàn tái sử dụng, cặn lắng sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

Cắt CNC: Tùy thuộc vào yêu cầu mỗi đơn hàng công nhân sẽ cắt theo những kích thước khác nhau. Tại quá trình cắt Công ty sử dụng nước với mục đích làm giảm nhiệt độ, áp suất, bụi khi ma sát giữa lưỡi cắt và mặt đá. Nước thải chứa bụi sẽ được thu gom theo các mương nước dẫn về cụm bể lắng nước thải cục bộ sau đó tuần hoàn tái sử dụng, cặn lắng sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

Mài thủ công: Để hoàn tất công đoạn gia công tạo hình công nhân sẽ sử dụng máy mài thủ công để mài những chi tiết mà máy mài tự động không xử lý được. Tại quá trình mài thủ công Công ty sử dụng nước với mục đích làm giảm nhiệt độ, áp suất, bụi khi ma sát giữa máy mài thủ công và mặt đá. Nước thải chứa bụi sẽ được thu gom theo các mương nước dẫn về cụm bể lắng nước thải cục bộ sau đó tuần hoàn tái sử dụng, cặn lắng sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

Sấy: Sau khi hoàn tất công đoạn gia công tạo hình cho đá, các bán thành phẩm sẽ được chuyển qua lò sấy điện để làm khô bề mặt giúp sản phẩm không bị hoen ố, bảo quản được lâu trong quá trình vận chuyển.

Chống thấm: Tại công đoạn chống thấm công nhân sử dụng giẻ lau tẩm dầu chống thấm cho đá tự nhiên, khô nhanh, không đổi màu để lau trên bề mặt và các cạnh của bán thành phẩm đá giúp đá không thấm nước, không bị rêu mốc, không bám bẩn, cho phép bề mặt thoát hơi và khả năng kháng nước cao. Giẻ lau dính dầu chống thấm được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Gắn ốc: Tại đây, công nhân sẽ tiến hành khoan lỗ và gắn ốc vào cái bề mặt đá sau khi tạo hình hoàn thiện để phục vụ cho công đoạn lắp ráp.

Đánh bóng: Đánh bóng là công đoạn cuối cùng để đưa các bán thành phẩm đến công đoạn lắp ráp. Tại đây, công nhân chỉ tiến hành kiểm tra, sửa lỗi đánh bóng các cạnh đá để đảm bảo chất lượng của sản phẩm trước khi chuyển qua công đoạn lắp ráp hoàn thiện và đóng gói xuất hàng.

Lắp ráp: Công ty lắp ráp với các bồn rửa được mua sẵn từ đơn vị đối tác bằng keo silicone. Sau đó, kiểm tra chất lượng sản phẩm và chuyển qua công đoạn đóng gói và lưu kho.

Đóng gói và lưu kho: Các sản phẩm sau khi hoàn thành sẽ được đóng gói, được đưa đến kho thành phẩm bằng xe nâng, lưu kho và xuất xưởng theo đơn đặt hàng của khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1.2 Sản phẩm và công suất tại cơ sở

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	CÔNG SUẤT
1	Đá Granite, Đá Marble, đá thạch anh nhân tạo, đá tự nhiên	m ² sản phẩm/năm	96.000

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)



Hình 1.3 Hình ảnh sản phẩm tại cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Hoạt động chủ yếu của dự án là gia công đá Granite, đá Marble, đá thạch anh nhân tạo và đá kỹ thuật công suất 96.000 m² sản phẩm/năm. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động của cơ sở

STT	Tên nguyên liệu	Trạng thái	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ	Mục đích
I	Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất					
1	Đá Granite	Rắn	m ² / năm	50.000	Trung Quốc	Sản xuất
2	Đá Marble	Rắn	m ² / năm	30.000	Trung Quốc	Sản xuất
3	Đá Thạch anh nhân tạo	Rắn	m ² / năm	10.000	Trung Quốc	Sản xuất
4	Đá kỹ thuật	Rắn	m ² / năm	6.000	Trung Quốc	Sản xuất
II	Nguyên liệu phụ trợ					
5	Keo Silicone	Lỏng	lít/ năm	2.160	Việt Nam	Lắp ráp
6	Dầu chống thấm	Lỏng	lít/năm	240	Việt Nam	Công đoạn chống thấm
7	Dầu DO	Lỏng	lít/năm	1.800	Việt Nam	Hoạt động xe nâng

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

Bảng 1.4 Thành phần, tính chất nguyên liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động sản xuất của cơ sở

STT	Danh mục nhiên liệu, hóa chất	Thành phần, tính chất vật lý
1	Dầu chống thấm Roxseal	Thành phần: Silane/Siloxane pha loãng Tính chất: - Là hóa chất chống thấm gốc dầu dạng thẩm thấu, ngấm sâu vào bên trong của viên đá, giúp đá không thấm nước, không bị rêu mốc, không bám bẩn. Cho phép bề mặt thoát hơi và khả năng kháng nước cao. - Mùi: Không mùi - Trạng thái: Lỏng - Độc tính: Không độc hại - Bắt cháy: Có khả năng cháy - Định mức sử dụng: Đá 8-10m ² /lít; gốm, tường 4-6m ² /lít

2	Keo Silicone	Thành phẩm: Silicon Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: lỏng/ bột (cô đặc) - Mùi: Không mùi - pH: 13,5 - Áp suất hơi: không xác định - Mật độ hơi: không xác định - Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi: > 2.355°C - Nhiệt độ bốc cháy: 900°C - Điểm sáng: Không có dữ liệu - Nhiệt độ phân hủy: Không có dữ liệu - Độ nhớt: Không có dữ liệu - Tính chất nổ: Không có dữ liệu - Tính Oxy hóa: Không có dữ liệu Độc tính: - Tiếp xúc với da: Ăn mòn, bỏng da khi tiếp xúc trong thời gian ngắn. - Tiếp xúc với mắt: Kích ứng nhẹ - Hít phải: Khó chịu cho đường hô hấp - Nuốt phải: Khó chịu cho đường miệng, cổ họng và dạ dày.
3	Dầu DO	-Thành phần: -Tính chất: Dầu DO là loại rất dễ cháy, điểm chớp cháy ở 55°C. -Trạng thái: Lỏng -Màu sắc: Vàng nhẹ, sạch, trong - Mùi đặc trưng của dầu DO - Áp suất hóa hơi (mm Hg): < 1 mm Hg - Tỷ trọng hơi (không khí = 1): 5-6 - Độ hòa tan trong nước: không - Khối lượng riêng (kg/m³) ở 15°C: 820-860 - Độ pH: không phù hợp - Điểm sôi: 175-370°C - Điểm nóng chảy (°C): không phù hợp - Điểm bùng cháy (Flash point): >52°C - Nhiệt độ tự cháy (°C): 210 - Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 7,5 - Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 0,6 - Tỷ lệ hóa hơi (kg/l): 0,7

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

1.4.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở đã được phê duyệt theo kế hoạch bảo vệ môi trường và danh mục máy móc, thiết bị hiện hữu được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.5 Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng		Công suất (KW)	Xuất xứ	Tình trạng
			Theo kế hoạch BVMT	Hiện hữu			
I	MÁY MÓC THIẾT BỊ CHÍNH						
1	Máy cắt	Cái	2	2	20	Trung Quốc	85%
2	Máy cắt bằng tay	Cái	4	4	1,4	Trung Quốc	85%
3	Máy cắt cạnh	Cái	2	2	9	Trung Quốc	85%
4	Máy CNC	Cái	0	2	10	Trung Quốc	85%
5	Máy đánh bóng cạnh	Cái	3	2	48	Trung Quốc	85%
6	Máy đánh bóng bề mặt	Cái	0	1	60	Trung Quốc	85%
7	Máy đánh bóng bề mặt bằng tay	Cái	4	4	5,5	Trung Quốc	85%
8	Máy đánh bóng cạnh bằng tay	Cái	10	10	1,4	Trung Quốc	85%
9	Máy mài	Cái	5	5	1,4	Trung Quốc	85%
10	Máy bo cạnh	Cái	2	2	5,5	Trung Quốc	85%
11	Máy khoan	Cái	2	2	2,2	Trung Quốc	85%
12	Máy sấy	Cái	2	1	27	Trung Quốc	85%
II	MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤ TRỢ						
13	Xe nâng	Cái	0	1	-	Trung Quốc	85%
14	Máy vận chuyển	Cái	2	0	-		
15	Máy bơm	Cái	1	1	4,5	Trung Quốc	85%
16	Máy lọc	Cái	1	1	4	Trung Quốc	85%
17	Máy nén khí	Cái	1	1	7,5	Trung Quốc	85%

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước

a. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp: Điện phục vụ được cung cấp từ lưới điện của Công ty điện lực Bình Phước.

Mục đích sử dụng: Điện được sử dụng chủ yếu để chạy thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, thiết bị văn phòng và các thiết bị thắp sáng trong khu vực hoạt động.

Căn cứ theo nhu cầu sử dụng điện thực tế tại Dự án, nhu cầu sử dụng điện sử dụng khoảng 4.222 (kWh/tháng).

Cụ thể thống kê nhu cầu sử dụng điện 12 tháng gần nhất từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023 được thể hiện như sau (hóa đơn điện được đính kèm phụ lục):

Bảng 1.6 Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu (kWh/tháng)
1	Tháng 8/2022	4.793
2	Tháng 9/2022	3.247
3	Tháng 10/2022	8.541
4	Tháng 11/2022	4.346
5	Tháng 12/2022	3.637
6	Tháng 1/2023	1.430
7	Tháng 2/2023	3.016
8	Tháng 3/2023	4.040
9	Tháng 4/2023	4.693
10	Tháng 5/2023	4.303
11	Tháng 6/2023	4.549
12	Tháng 7/2023	4.064
Trung bình		4.222

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp: Hiện tại khu vực nhà máy chưa có hệ thống nước cấp, do đó nước sử dụng tại cơ sở chủ yếu là nước giếng khoan hiện hữu trong khuôn viên nhà máy.

Nhu cầu sử dụng: Nhu cầu sử dụng nước thực tế so với kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt không thay đổi khoảng 42,52 m³/ngày, cụ thể được thể hiện như sau:

- Nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt:

Lưu lượng nước cấp cho cơ sở trong ngày được tính toán theo TCXDVN 33:2006-BXD – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước cấp cho sinh hoạt của công nhân làm việc theo định mức là 50 lít/người/ngày:

Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt:

$$50 \text{ người} \times 50 \text{ lít/người/ngày} = 2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước cấp cho hoạt động sản xuất:

Tại các công đoạn gia công đá cửa cắt, khoan, mài, chà nhám,... Công ty có sử dụng nước để giảm thiểu bụi tại các máy gia công. Ước tính nhu cầu sử dụng khoảng 29,6 m³/ngày. Lượng nước này sẽ được thu gom về cụm về lắng nước thải sau đó tuần

hoàn tái sử dụng, không thải bỏ. Cặn lắng sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng theo đúng quy định.

- Nước sử dụng cho mục đích tưới cây

Định mức sử dụng nước tưới cây là 3 lít/m².ngày (theo QCVN 01:2019/BXD, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn tưới thảm cỏ và bồn hoa)

Với diện tích cây xanh khoảng 3.473,88 m², lưu lượng nước cần cho tưới cây là:

$$3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 3.473,88 \text{ m}^2 = 10,42 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng	Lượng nước cấp sử dụng lớn nhất (m ³ /ngày)	Lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày)
1	Nước sinh hoạt công nhân	2,5	2,5
2	Nước cấp cho hoạt động sản xuất	29,6	-
3	Nước tưới cây	10,42	-
Tổng		42,52	2,5

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

• Lượng nước dự kiến cho hoạt động phòng cháy chữa cháy (PCCC)

Lưu lượng nước cấp cho một đám cháy phải đảm bảo ≥ 20 l/s; số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥ 2 (theo QCVN 06:2021/BXD)

Tính lượng nước cấp chữa cháy cho 2 đám cháy đồng thời xảy ra trong thời gian 20 phút là:

$$Q_{cc} = 20 \text{ lít/giây} \cdot \text{đám cháy} \times 2 \text{ đám cháy} \times 20 \text{ phút} \times 60 \text{ giây}/1.000 = 48 \text{ m}^3.$$

Phương án cấp nước chữa cháy: Công ty cho thuê xưởng đã bố trí 01 bể chứa nước ngầm với thể tích 70 m³ xây dựng chìm, thuận lợi cho quá trình chữa cháy khi có đám cháy xảy ra, đảm bảo lượng nước chữa cháy đủ cung cấp trong 1 giờ đầu khi có đám cháy xảy ra.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Dự án “Nhà máy gia công đá Granite công suất 96.000m² sản phẩm/năm” được đầu tư tại Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Công ty TNHH Whiterock thuê đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Bình Nguyên theo hợp đồng số 18/HĐ 2021 ngày 06/07/2021 để thực hiện Dự án. Tổng diện tích đất là 17.369,40 m².

Bảng 1.8 Cơ cấu sử dụng đất tại cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ
1	Các hạng mục công trình chính		
1.1	Xưởng sản xuất	2.880	16,58
1.2	Nhà kho	2.559,68	14,74
2	Hạng mục công trình phụ trợ		
2.1	Nhà văn phòng	106,95	0,62
2.2	Nhà bảo vệ	17,6	0,10
2.3	Nhà để xe	120	0,69
2.4	Nhà vệ sinh	54	0,31
2.5	Bể PCCC ngầm (thể tích 70 m ³)	-	-
2.6	Bể lắng nước thải ngầm (thể tích 108 m ³)	-	-
2.7	Khu vực trạm cân	152,33	0,88
2.8	Kho chứa CTTT	12	0,07
2.9	Kho chứa CTNH	10	0,05
3	Đất cây xanh	3.473,88	20,00
4	Đất giao thông	7.982,96	45,98
	Tổng cộng	17.369,40	100

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

Ghi chú:

- Nhà máy được quy hoạch với các khu chức năng chính là:
 - + Đất xây dựng công trình (nhà xưởng sản xuất, nhà kho, công trình phụ trợ, công trình hạ tầng kỹ thuật,...)
 - + Đất cây xanh
 - + Đất hạ tầng kỹ thuật
 - + Đất giao thông
- Các công trình nhà xưởng, kho lựa chọn hình thức kiến trúc công nghiệp, kết cấu bê tông cốt thép và khung thép tiền chế.
- Các khối công trình hành chính dịch vụ được bố trí mặt tiền đường gần các lối tiếp cận để thuận tiện cho giao thông và kết hợp với các mảng xanh tại khu vực này để tạo không gian mở nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân viên tại nhà máy.
- Cây xanh phân tán bố trí tiếp giáp với các công trình nhà xưởng, công trình hành chính, dịch vụ và trồng dọc trục đường tiếp giáp ranh đất bên ngoài.

1.5.1.1. Hạng mục công trình chính

• **Xưởng sản xuất**

Nhà xưởng sản xuất được chủ cơ sở bố trí như sau:

- Loại, cấp công trình: cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 2.880 m², diện tích sàn: 2.880 m².
- Kết cấu: Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép, tường xây gạch + vách tole, mái lợp tole, nền bê tông.

- **Nhà kho**

Nhà kho được chủ cơ sở bố trí như sau:

- Loại, cấp công trình: cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 2.559,68 m², diện tích sàn: 2.559,68 m².
- Kết cấu: Cột, vì kèo, xà gỗ thép, tường gạch, mái tole, nền bê tông.

Nhà xưởng, kho chứa đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Nhà xưởng được xây dựng đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

- Công ty sẽ bố trí sơ đồ có hướng dẫn lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

- Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ hóa chất. Thiết bị điện trong nhà xưởng, kho chứa có hóa chất dễ cháy, nổ đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

- Nhà xưởng, kho chứa hóa chất có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy.

- Nhà xưởng, kho chứa đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.5.1.2. Hạng mục công trình phụ trợ

Bên cạnh các hạng mục công trình chính, dự án còn có các công trình phụ trợ như nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, bể nước ngầm PCCC,...

- **Nhà văn phòng**

Nhà văn phòng được chủ cơ sở bố trí như sau:

- Loại, cấp công trình: cấp IV.
- Số tầng: 02 tầng.
- Diện tích xây dựng: 106,95 m², diện tích sàn: 237,89 m².
- Kết cấu: Khung chịu lực bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp ngói, nền lát gạch Ceramic.

- **Trạm cân**

Trạm cân được chủ cơ sở bố trí như sau:

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 152,33 m², diện tích sàn: 152,33 m².
- Kết cấu: Nền bê tông cốt thép.

- **Nhà bảo vệ:**

Dự án bố trí 01 nhà bảo vệ tại vị trí cổng ra vào của khu đất dự án giáp với mặt đường QL14. Diện tích xây dựng: 17,6 m².

- **Nhà để xe:**

Dự án bố trí 01 nhà để xe. Diện tích xây dựng: 120 m².

- **Nhà vệ sinh:**

Dự án bố trí 01 khu vực nhà vệ sinh. Diện tích xây dựng: 120 m².

- **Kho chứa CTTT:** Dự án bố trí 01 khu vực kho chứa CTTT. Diện tích xây dựng: 12 m².

- **Kho chứa CTNH:** Dự án bố trí 01 khu vực kho chứa CTNH. Diện tích xây dựng: 10 m².

- **Bể nước ngầm PCCC:**

Bể nước ngầm PCCC có thể tích là 70 m³. Trạm bơm được thiết kế với khung kết cấu thép, mái tôn nằm cạnh bể nước ngầm.

- **Sân, đường giao thông nội bộ:**

+ Đường giao thông của dự án có diện tích 7.982,96 m². Hệ thống đường nội bộ trong khu vực dự án được xây dựng chịu được áp lực xe tải vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm ra vào khu sản xuất, cụ thể kết cấu mặt đường làm bằng bê tông nhựa nóng, kết cấu nền đường được đắp bằng đất cấp 2 (tận dụng từ đất đào khuôn đường có chọn lọc không lẫn tạp chất hữu cơ, cỏ rác,...) lu lèn đạt $K > 0,95$.

+ Sân bãi rộng dùng làm chỗ đậu cho xe tải chờ vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm.

- **Hệ thống cấp nước:**

Cơ sở sử dụng nước cấp từ nguồn nước giếng khoan hiện hữu có trong khuôn viên nhà máy.

- **Hệ thống cung cấp điện:**

Cơ sở sử dụng mạng lưới cung cấp điện của Công ty Điện lực Bình Phước.

- **Hệ thống thông tin liên lạc:**

Công ty sẽ sử dụng những tiện ích hạ tầng kỹ thuật của tỉnh Bình Phước và mạng thông tin liên lạc của nhà máy sẽ được ghép nối vào mạng viễn thông của bưu điện tỉnh.

- **Hệ thống PCCC:**

Hệ thống PCCC được bố trí ở khu vực sân bãi xung quanh khu nhà xưởng được thiết kế theo tiêu chuẩn:

- TCVN 3254 – 1989 An toàn cháy.
- TCVN 2622 – 1995 Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình.
- TCVN 5760 – 1993 Hệ thống cấp nước chữa cháy.
- TCVN 5739 – 1993 Thiết bị chữa cháy đầu nổi.
- TCVN 7336 – 2003 Phòng cháy chữa cháy – hệ thống sprinkler tự động.
- QCVN 06:2010/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

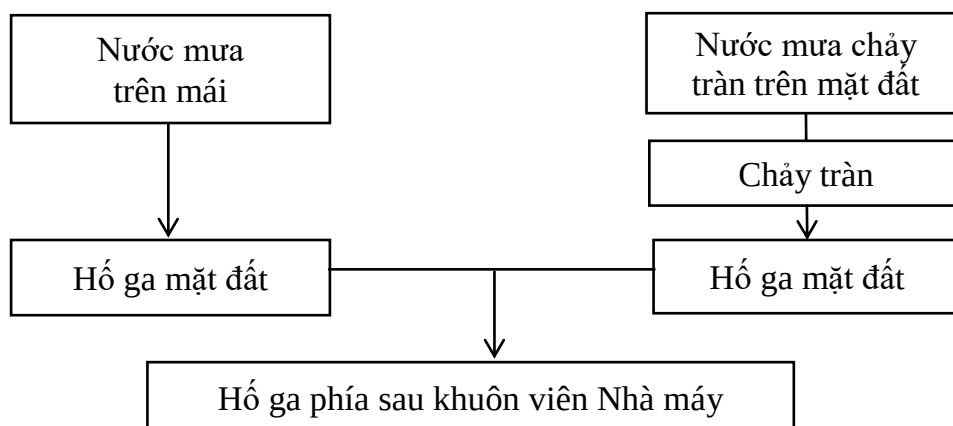
- **Cây xanh:**

Diện tích cây xanh là 3.473,88 m² chiếm tỷ lệ khoảng 20% tổng diện tích khu đất dự án, đảm bảo theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD. Một số loại cây được đề xuất trồng tại dự án là: cây sao, cây dầu, cây viết, bằng lăng, các thảm cỏ xanh, sứ, ngũ sắc,..... Các thảm cỏ xanh được trồng dọc theo hàng rào bao quanh dự án, xung quanh nhà xưởng, nhà văn phòng,... vừa tạo cảnh quan và đồng thời tạo khoảng cách ly an toàn.

1.5.1.3. Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo cho khả năng tiêu thoát nước mưa tốt tại dự án.



Hình 1.4 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong khu vực nhà máy bao gồm các mương, rãnh thoát nước kín xây dựng xung quanh khu nhà xưởng, văn phòng, thu nước mưa từ trên mái đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống hở có nắp đan đáy bằng bê tông cốt thép dùng cống ngầm chịu lực.

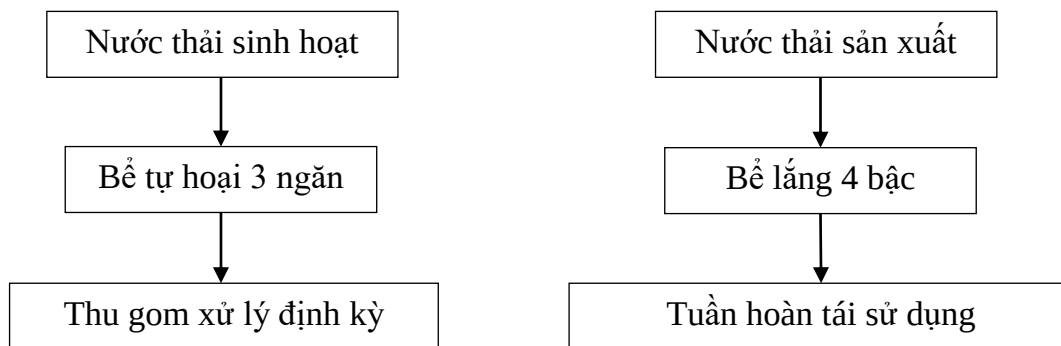
Nước mưa từ mái đổ xuống sẽ được thu gom và đưa xuống đất bởi các phễu thu và đường ống đứng DN90 → hố ga → cống BTCT D160 – 225mm, độ dốc dọc ống thoát nước là 1%. Nước mưa trên các khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các

hồ thu nước mưa xây dựng dọc theo lề đường. Tại các hồ thu nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi vào hệ thống cống thoát nước.

Toàn bộ nước mưa sẽ được thu gom và thoát ra hố ga phía sau khuôn viên Nhà máy thông 01 điểm thoát nước mưa.

b. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.



Hình 1.5 Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm: nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy và nước thải sản xuất.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án với lưu lượng $2,5\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18m^3), công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở là nước thải giảm bụi từ quá trình gia công tạo hình đá (cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công) với lưu lượng $29,6\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom về bể lắng 4 ngăn (thể tích 108m^3). Nước thải sau lắng sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất, cặn lắng sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

c. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Công ty bố trí 01 bể tự hoại với thể tích 18m^3 để thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại cơ sở. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau: Nước thải sinh hoạt → Đường ống (Kích thước uPVC Ø114 mm) → Bể tự hoại 3 ngăn (thể tích là 18m^3) → Thu gom, xử lý định kỳ.

d. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Để xử lý nước thải sản xuất từ quá trình gia công tạo hình đá (cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công). Công ty đã bố trí 01 cụm bể lắng 4 ngăn (gồm 03 ngăn lắng, 01 ngăn chứa nước sạch sau lắng) với thể tích 108m^3 để xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.

Nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất, cặn lắng sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải tại cơ sở như sau: Nước thải sản xuất → Mương dẫn (Kích thước $L \times B \times H = 320m \times 0,2m \times 0,3m$) → Bể lắng 4 ngăn (Kích thước: $L \times B \times H = 6m \times 6m \times 3m$, thể tích $108 m^3$) → Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng.

e. Khu vực tập trung chất thải rắn

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

Để thu gom lượng rác này, Chủ cơ sở sẽ bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, ... chức năng của mỗi thùng như sau:

- + Thùng 20 lít (5 thùng) đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng,....
- + Thùng 120 lít (2 thùng) đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải sinh hoạt sẽ được lưu chứa tại khu vực tập trung chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng $5m^2$ gần khu vực cổng ra vào.

Chất thải sẽ được phân thành 02 loại: chất thải có thể tái sinh, tái chế và chất thải không thể tái sinh, tái chế. Đối với chất thải có thể tái sinh, tái chế, nhà máy sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu, phần còn lại sẽ được mang đi xử lý thông qua hợp đồng ký với các đơn vị có chức năng và khả năng để thu gom xử lý.

❖ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thu gom vào khu vực lưu chứa riêng biệt, có mái che, tường rào bao xung quanh với diện tích $12m^2$ đặt tại khuôn viên dự án.

Tất cả chất thải rắn công nghiệp không nguy hại sẽ được phân loại thành các chất thải có thể tái chế và chất thải không tái chế:

Chất thải không thể tái sử dụng: bao nylon, các nhãn mác hư hỏng,... phát sinh trong quá trình sản xuất. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

Chất thải có thể tái chế: vải vụn, giấy, thùng carton, bao bì nhựa hư hỏng không dính thành phần nguy hại,... công ty sẽ ký hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom với tần suất 01 lần/tháng.

Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ số 143/2022/HĐ/AH-WR ngày 20/12/2022 về việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy.

Chất thải công nghiệp không nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

❖ **Chất thải nguy hại**

Thu gom: Khi có chất thải nguy hại phát sinh, nhân viên công ty có trách nhiệm đưa chất thải tới khu vực lưu trữ riêng cho chất thải nguy hại.

– Tập trung tại khu vực lưu chứa riêng biệt, không để lẫn chất thải nguy hại với các loại chất thải khác và không để lẫn các loại chất thải nguy hại với nhau. Công ty đã bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 10 m² đặt tại khuôn viên dự án.

– Đặt thùng rác với dung tích 120 lít và bao PP chống thấm. Kho chứa có mái che, nền chống thấm, có biển báo, có gờ bao xung quanh.

– Thu gom và lưu trữ tạm thời trong thùng chứa đặc biệt được dán nhãn.

– Bóng đèn, giẻ thấm dầu mỡ thải, dầu mỡ thải từ máy móc thiết bị, bao bì, thùng chứa hóa chất thải,... Chất thải dạng lỏng được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy. Trên các thùng chứa rác thải đều ghi rõ chủng loại, mã chất thải. Các thùng chứa chất thải được đặt cách xa vị trí sản xuất, không gian thoáng mát và vị trí an toàn.

– Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ số 143/2022/HĐ/AH-WR ngày 20/12/2022 về việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy.

– Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/ 2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

– Tần suất thu gom: theo lưu lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế đảm bảo đúng quy định pháp luật về quản lý chất thải.

– Quy trình vận hành: CTNH từ các khu vực phát sinh → phân loại riêng biệt từng loại → thu gom về khu vực tập trung → đưa vào các thiết bị chứa riêng biệt, phù hợp → bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

1.5.2. Tiến độ, vốn, tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

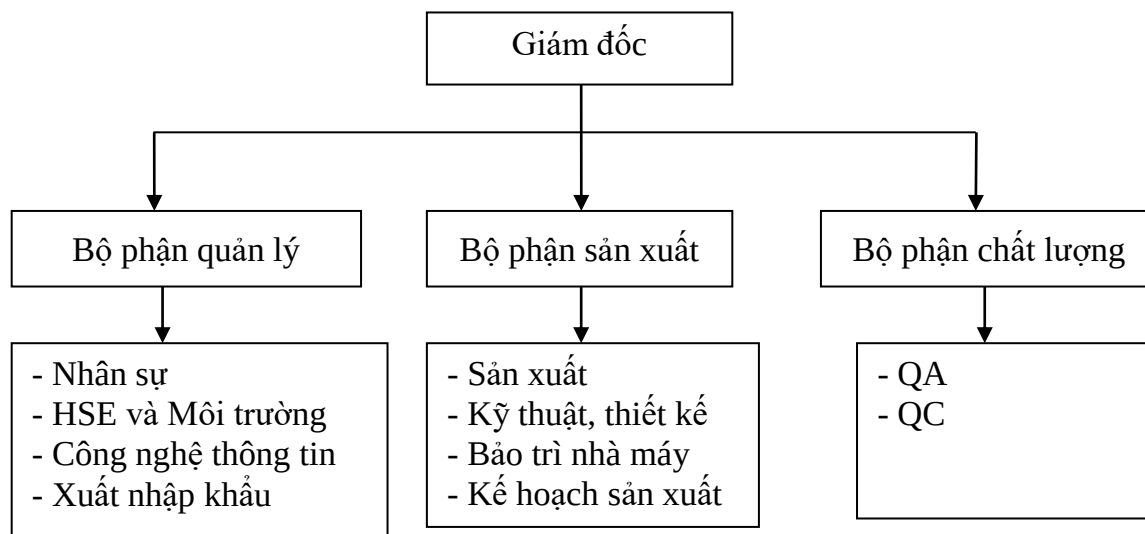
1.5.2.1. Tiến độ thực hiện cơ sở

Dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.5.2.2. Vốn cơ sở

Tổng vốn cơ sở của dự án: 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng.

1.5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở



Hình 1.6. Sơ đồ tổ chức quản lý vận hành cơ sở

Bộ phận nhân sự tổng hợp của công ty được phân công chịu trách nhiệm quản lý môi trường và an toàn lao động của công ty, chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường của công ty. Cơ cấu bộ phận Môi trường - An toàn lao động tại nhà máy như sau:

Nguồn nhân lực: Tổng số lao động tại dự án: 50 người.

Chế độ làm việc: Số ca làm việc 1 ca/ngày, 8 giờ/ca, 312 ngày/năm.

Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Nhà máy gia công đá Granite công suất 96.000m² sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Whiterock được triển khai tại Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước. Các giấy tờ pháp lý về môi trường của Công ty TNHH Whiterock:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801239934 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH Whiterock.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 02/02/2021 do Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp cho Công ty TNHH Whiterock.
- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18/HĐ 2021 ngày 06/07/2021 giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bình Nguyên.
- Hợp đồng dịch vụ số 143/2022/HĐ/AH-WR ngày 20/12/2022 Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Để đánh giá sức chịu tải của môi trường, Công ty TNHH Whiterock đã phối hợp với đơn vị quan trắc là Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động (COSHET)– địa chỉ trụ sở chính 286/8A Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

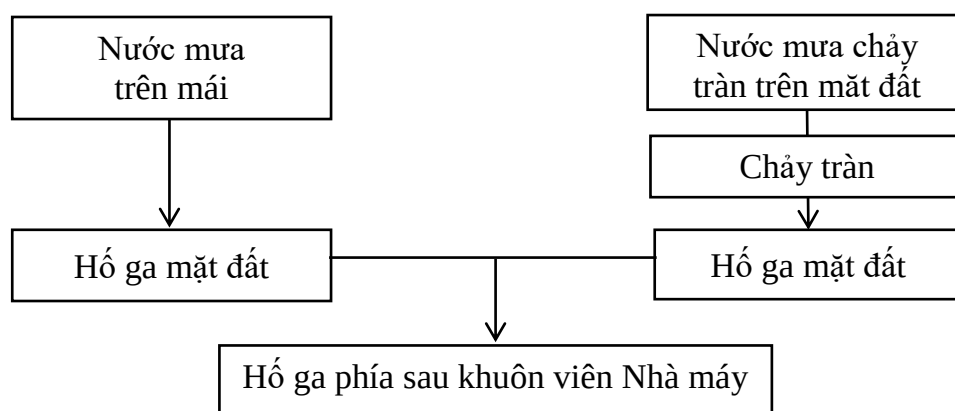
Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động (COSHET) đã đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quyết định số 2045/QĐ-BTNMT của bộ Tài nguyên và Môi trường và đã được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 026) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) tiến hành quan trắc, phân tích chất lượng các môi trường thành phần tại khu vực nhà máy. Tổng hợp kết quả quan trắc được thể hiện tại chương 5 của báo cáo.

Chương 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo cho khả năng tiêu thoát nước mưa tốt tại cơ sở.



Hình 3.1 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong khu vực nhà máy bao gồm các mương, rãnh thoát nước kín xây dựng xung quanh khu nhà xưởng, văn phòng, thu nước mưa từ trên mái đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống hở có nắp đan đáy bằng bê tông cốt thép dùng cống ngầm chịu lực.

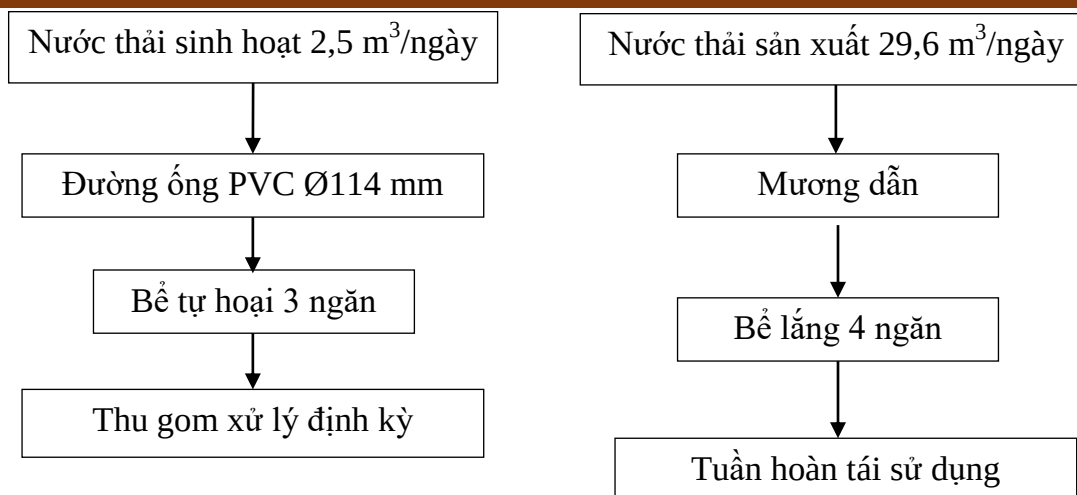
Nước mưa từ mái đổ xuống sẽ được thu gom và đưa xuống đất bởi các phễu thu và đường ống đứng DN90 → hố ga → cống BTCT D160 – 225 mm, độ dốc dọc ống thoát nước là 1%. Nước mưa trên các khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các hố thu nước mưa xây dựng dọc theo lề đường. Tại các hố thu nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi vào hệ thống cống thoát nước.

Toàn bộ nước mưa sẽ được thu gom và thoát ra hố ga phía sau khuôn viên Nhà máy thông 01 điểm thoát nước mưa.

Trong thời gian nhà máy hoạt động sản xuất, chủ dự án sẽ chú ý giữ gìn vệ sinh công nghiệp trong nhà xưởng và khuôn viên để ngăn không cho nước mưa cuốn theo các chất bẩn làm ách tắc hệ thống thoát nước mưa nội bộ và khu vực đồng thời làm ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của cơ sở được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa.



Hình 3.2 Sơ đồ thu gom, thoát nước thải hiện hữu tại cơ sở

Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm: nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy và nước thải sản xuất.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở với lưu lượng 2,5m³/ngày được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18m³), Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở là nước thải giảm bụi từ quá trình gia công tạo hình đá (cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công) với lưu lượng 29,6 m³/ngày được thu gom về bể lắng 4 ngăn (thể tích 108m³). Nước thải sau lắng sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất, cặn lắng sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở với tổng lưu lượng là 2,5 m³/ngày (lưu lượng nước thải tính bằng 100% lưu lượng nước cấp theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP). Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom về 01 bể tự hoại 3 ngăn bằng đường ống uPVC Ø114 mm có thể tích là 18 m³, sau đó được đơn vị có chức năng thu gom xử lý định kỳ.

❖ **Thuyết minh quy trình bể tự hoại 3 ngăn**

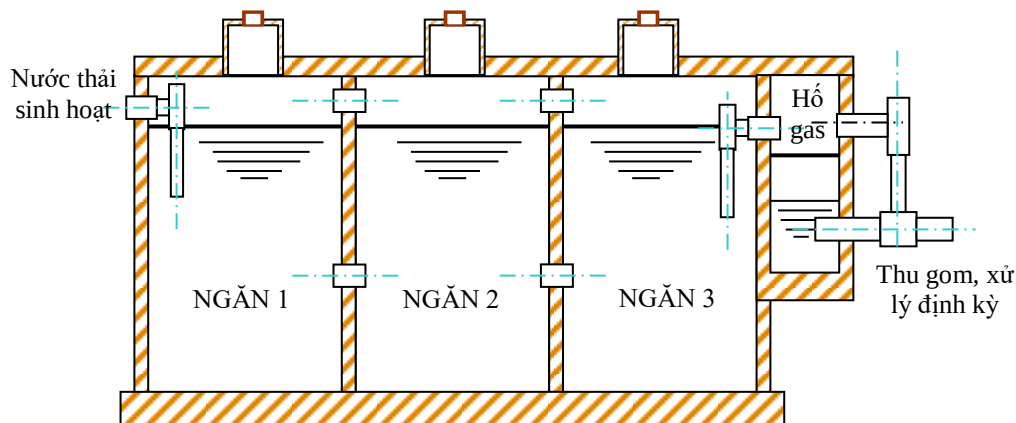
Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng bê tông cốt thép, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD₅ là 60 - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 3-6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.

Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.

Bùn từ bể tự hoại được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi xử lý đúng quy định.



Hình 3.3 Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

(Nguồn: Trần Đức Hạ (2006) – *Xử Lý Nước Thải Đô Thị*. Nhà Xuất bản Khoa Học và Kỹ Thuật).

Thể tích phần nước:

$$W_1 = K \times Q = 1,2 \times 2,5 = 3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Trong đó:

Q: lưu lượng nước thải nhà vệ sinh, $Q = 2,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

K: Hệ số lưu lượng (thời gian lưu nước tại bể tự hoại (ngày)), $K=1,2$

Thể tích phần bùn:

$$W_2 = \frac{a \times b \times c \times (100 - p_1) \cdot N \times T_2}{(100 - p_2) \times 1000} = \frac{0,5 \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 95) \times 50 \times 180}{(100 - 90) \times 1000} = 1,89 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại (W):

$$W = W_1 + W_2 = 3 + 1,89 = 4,89 \text{ m}^3$$

Trong đó:

a : Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, $a = 0,4 - 0,5 \text{ lít/người.ngày.đêm}$

N: Số công nhân viên, $N = 50 \text{ người}$

t : Thời gian tích lũy cặn lắng trong bể tự hoại, $t = 180 - 365 \text{ ngày.đêm}$

0,7: Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân giải

1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại bề tự hoại để “ nhiễm vi khuẩn” cho cặn tươi

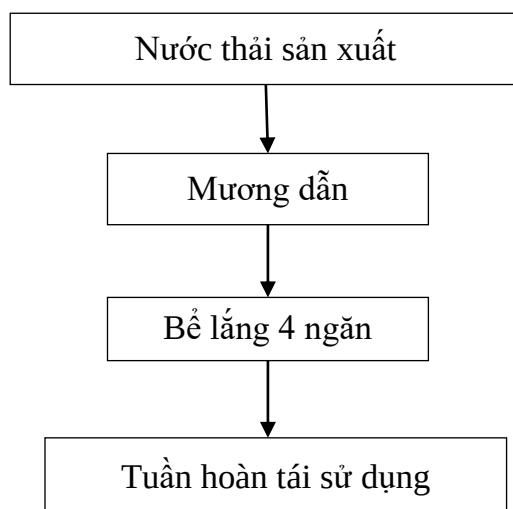
P_1 : Độ ẩm cặn tươi, $P_1 = 95\%$

P_2 : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, $P_2 = 90\%$

Công ty đã bố trí 01 khu nhà vệ sinh thu gom về 01 bể tự hoại với tổng thể tích bể tự hoại là 18 m^3 hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu xử lý sơ bộ nước thải cho công nhân viên tại Dự án. Sau đó, nước thải sau bể tự hoại sẽ được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý định kỳ theo đúng quy định.

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy là nước thải giảm bụi từ quá trình gia công tạo hình đá (cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công) với lưu lượng $29,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom về bể lắng 4 ngăn (thể tích 108 m^3). Nước thải sau lắng sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất, cặn lắng sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.



Hình 3.4 Sơ đồ hệ thống lắng nước thải sản xuất tại cơ sở

- **Thuyết minh quy trình:**

Nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở là nước thải giảm bụi từ quá trình gia công tạo hình đá (cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công) với tổng lưu lượng là $29,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Toàn bộ lượng nước thải sẽ được thu gom bằng mương dẫn có kích thước $L \times B \times H = 320\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$ bố trí bên dưới khu vực đặt các máy móc, thiết bị có phát sinh nước thải đã được chống thấm sau đó tự chảy theo độ dốc của địa hình về bể lắng 4 ngăn có kích thước $L \times B \times H = 4 \times (3\text{m} \times 3\text{m} \times 3\text{m})$. Cấu tạo của bể lắng gồm 4 ngăn, trong đó có 03 ngăn lắng và 01 ngăn chứa nước sạch sau khi lắng.

Nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất, cặn lắng sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

• **Thông số kỹ thuật của hệ thống lắng nước thải sản xuất**

Bảng 3.1 Thông số kỹ thuật của hệ thống lắng nước thải sản xuất

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể lắng 4 ngăn	Cụm	1	- Kích thước: $L \times B \times H = 4 \times (3m \times 3m \times 3m)$. - Vật liệu: BTCT - Thể tích: $108 m^3$
2	Mương dẫn	Hệ thống	1	- Kích thước: $L \times B \times H = 320m \times 0,2m \times 0,3m$. - Vật liệu: BTCT
3	Bơm nước tuần hoàn	Bơm	1	01 bơm Công suất: 4kw

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên để giảm thiểu tác động do hoạt động này, dự án sẽ thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm như sau:

- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt.
- Quy định nội quy cho các phương tiện ra vào dự án như: tốc độ với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên dự án, yêu cầu tắt máy trong thời gian chờ.
- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong dự án cùng thời điểm.
- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng, đăng kiểm định kỳ cho các phương tiện vận tải phục vụ vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.
- Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào ngày nắng để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào dự án.
- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dụng, găng tay,... cho công nhân nếu cần thiết.
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên dự án, đảm bảo diện tích đủ 20%.

Các biện pháp trên sẽ được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Áp dụng các biện pháp trên, tác động của tiếng ồn và khí thải có thể được giảm thiểu khoảng 70 – 90%.

3.2.2. Giảm thiểu bụi từ quá trình vận chuyển, lưu trữ nguyên vật liệu sản xuất

Để giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu sản xuất, chủ đầu tư đưa ra phương án khống chế bụi từ quá trình nhập liệu lưu kho như sau:

- Không nhập kho vào thời tiết xấu, gió mạnh, chỉ nhập kho các nguyên liệu đã chọn vào vị trí lưu chứa thích hợp.
- Bố nhà kho và nhà chứa phải hợp lý: khu vực sản xuất có trang thiết bị, máy móc phải đảm bảo khoảng cách vận chuyển.
- Quá trình nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu sử dụng xe nâng, giảm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân sản xuất.
- Khu vực kho chứa thành phẩm và nguyên liệu: Nhà kho thông thoáng, trang bị hệ thống quạt thông gió theo đúng quy định. Vệ sinh kho chứa đảm bảo sạch, gọn, hàng hóa được bố trí hợp lý, khoa học tạo môi trường thông thoáng.

3.2.3. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất

Bụi đá phát sinh tại công đoạn cắt, mài, đánh bóng... chủ yếu là bụi nặng, có tỷ trọng lớn, rất dễ lắng đọng, tích tụ tại khu vực làm việc, không phát tán đi xa. Tuy nhiên trong quá trình cắt, các hạt bụi này bay rất mạnh và gây nguy hiểm cho người ở gần. Để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của công nhân, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp như sau:

*Các biện pháp khống chế chung:

- Trang bị mắt kính, khẩu trang cho công nhân khi vận hành các máy gia công.
- Trang bị quần áo bảo hộ lao động, kính bảo vệ, găng tay, ủng cho công nhân thực hiện các công đoạn cắt, đập, đánh bóng,...
- Nhà xưởng được bố trí thông thoáng tự nhiên, đảm bảo phát tán tốt bụi, đảm bảo môi trường không khí khu vực nhà xưởng luôn sạch sẽ.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.
- Trồng cây xanh xung quanh khu nhà xưởng, dọc theo đường nội bộ và quanh tường rào với tỷ lệ khoảng 20% tổng diện tích khu đất để tạo cảnh quan, hấp phụ một phần chất ô nhiễm, cải thiện vi khí hậu.

*Các biện pháp khống chế riêng:

Các công đoạn phát sinh bụi như: cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công... Công ty sử dụng nước để giảm thiểu bụi phát sinh vào môi trường. Nước thải chứa bụi sẽ được thu gom bằng mương dẫn có kích thước rộng 20cm, sâu 30 cm, dài 320m, đã được chống thấm sau đó tự chảy theo độ dốc của địa hình về bể lắng 4 ngăn có kích thước $6m \times 6m \times 3m = 108 m^3$. Nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất, cặn lắng sẽ được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

3.2.4. Kiểm soát ô nhiễm do hoạt động của khu vực chứa hóa chất

Để giảm ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm cao, hơi hóa chất tới sức khỏe của công nhân lao động trong quá trình sản xuất chủ dự án áp dụng các biện pháp như sau:

- + Thường xuyên hút bụi hoặc quét dọn vệ sinh khu vực kho và khu vực xung quanh nhà xưởng để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- + Cung cấp đầy đủ thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho công nhân Kho chứa. Dán các bảng nội quy, thông tin cần thiết về các biện pháp ứng phó cần thiết ... để công nhân dễ dàng xử lý khi có sự cố xảy ra.

- + Phun nước giải nhiệt sân đường nội bộ vào thời gian cao điểm, nắng nóng.

- + Công nhân sản xuất trực tiếp được trang bị khẩu trang bảo hộ lao động.

3.2.5. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng

Để giảm thiểu khí thải, tạo môi trường làm việc tốt nhất đến sức khỏe của công nhân, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Quạt thông gió được lắp một bên tường nhà xưởng, bên còn lại, dự án sẽ mở cửa để lấy gió tươi từ bên ngoài vào làm mát nhà xưởng.

- Trên mỗi quạt có thiết kế tấm chắn bụi. Định kỳ hàng tuần, công ty cử người vệ sinh các tấm chắn bụi này. Lượng bụi được thu gom và xử lý đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ, công - nhân viên: quần áo lao động, găng tay, khẩu trang,...

- Chủ dự án sẽ bố trí thêm các chậu cây xanh, cây cảnh xung quanh các nhà xưởng, văn phòng,... để tạo cảm giác mát mẻ cho công nhân, đồng thời điều hoà điều kiện vi khí hậu trong khu vực xưởng.

- Bố trí hệ thống phun nước các tuyến đường nội bộ vào thời gian cao điểm nắng nóng để giảm nhiệt độ phân xưởng.

3.2.6. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ khu vực kho chứa rác

Đối với rác thải sinh hoạt, chủ dự án cần phải thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp quản lý chặt chẽ từ quá trình thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị vệ sinh để vận chuyển rác ngay trong ngày, tránh tình trạng ứ đọng rác thải lâu ngày.

Quá trình lưu chứa rác thải, chủ dự án cần thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nhà lưu chứa rác riêng.

- Sử dụng các chế phẩm sinh học để hạn chế mùi phát sinh từ rác thải.

- Trồng cây xanh quanh khu vực chứa rác để hấp thụ một phần mùi hôi.

Đối với hệ thống cống thoát nước của nhà máy, chủ dự án cần thực hiện các biện pháp sau:

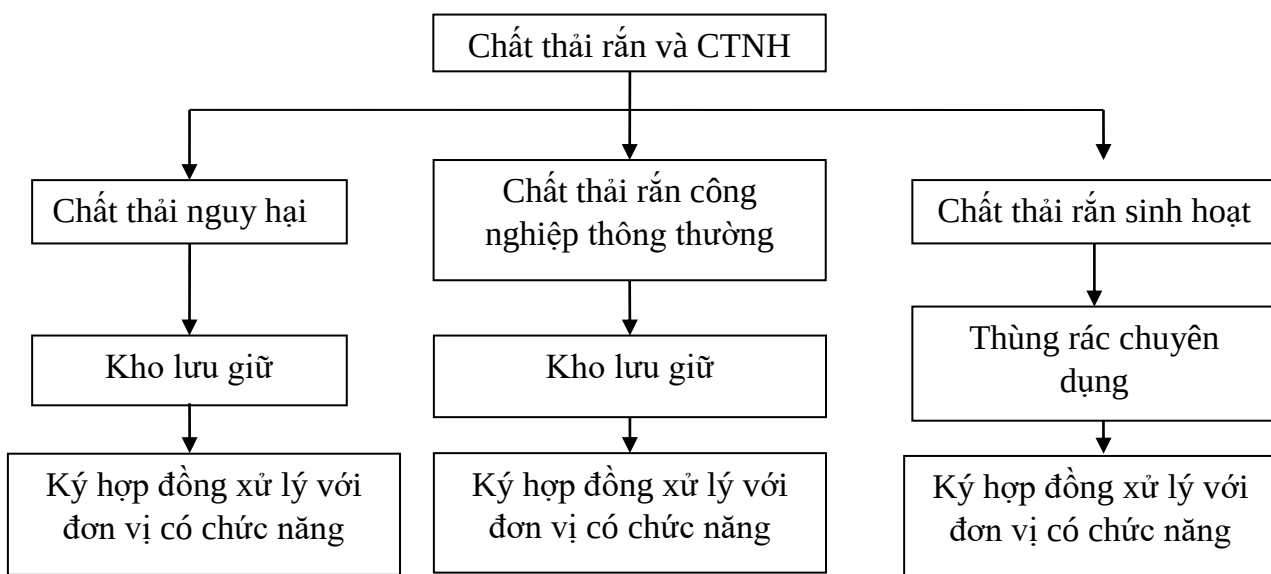
- Hệ thống cống thoát nước được xây dựng kín.

– Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn rác, thu gom rác thường xuyên, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/ 2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Sơ đồ thu gom chất thải tại dự án như sau:



Hình 3.5. Sơ đồ thu gom chất thải tại cơ sở

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: từ văn phòng, nhà vệ sinh và các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân sẽ gây phát sinh chất thải sinh hoạt.

Thành phần: chất thải sinh hoạt chủ yếu là các thực phẩm thừa, vỏ trái cây, bao bì chứa thức ăn, bã trà, bã cà phê,....

Khối lượng: Với lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình của mỗi người là 0,5 kg/người.ngày thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân và nhân viên ước tính khoảng 25 kg/ngày (tương ứng với 50 người).

Biện pháp lưu giữ:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động ước tính 25 kg/ngày, với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300 kg/m^3 , hệ số đầy của thùng 0,85.

$$\frac{25}{0,85 * 300 \text{ kg/m}^3} = 0,098 \text{ m}^3 = 98 \text{ lít}$$

Tổng thể tích các thùng chứa rác sinh hoạt ước tính = $(20 \times 5) + (120 \times 2) = 340 \text{ lít} > 98 \text{ lít}$

Để thu gom lượng rác này, Chủ Dự án sẽ bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, ... chức năng của mỗi thùng như sau:

- + Thùng 20 lít (5 thùng) đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng,....
- + Thùng 120 lít (2 thùng) đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

Công ty đã bố trí khu vực tập trung chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 5m^2 , gần khu vực cổng ra vào và được đơn vị có chức năng thu gom CTR sinh hoạt thu gom 01 lần/ngày.

Rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng kín, vệ sinh và vận chuyển đi trong ngày để tránh quá trình phân hủy phát sinh mùi, hạn chế thấp nhất thức uống dư cho vào thùng rác tránh phân hủy sinh ra nước rỉ rác. Chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển đi xử lý trong ngày nên hạn chế thấp nhất mùi hôi và nước rỉ rác.

Tần suất thu gom 1 lần/ngày.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh: Trong giai đoạn vận hành dự án, chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất như thùng carton, giấy vụn, bao bì, vụn đá.. và từ quá trình đóng gói như nguyên liệu, vật liệu đóng gói dư thừa, bao bì thải....

Thành phần, khối lượng: Cân đối giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra ước tính lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án từ các hoạt động văn phòng và phát sinh từ các hoạt động sản xuất như sau:

Bảng 3.2 Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)
1	Đá vụn, cặn lắng từ bể lắng nước thải sản xuất	Hoạt động sản xuất	3.000
2	Giấy văn phòng thải	Hoạt động văn phòng	120
3	Nilon, thùng carton, bao bì thải	Hoạt động đóng gói	360
Tổng cộng			3.480

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

Nhận xét:

Từ bảng trên cho thấy, lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại nhà máy chủ yếu là nilon và giấy thải, phế phẩm từ quá trình sản xuất,.... Các loại chất thải này

có giá trị tái chế, tái sử dụng, dễ thu gom và vận chuyển nên khả năng tác động đến môi trường không đáng kể. Mặt khác, các loại chất thải trên được phân loại tại nguồn, tái sử dụng hoặc ký hợp đồng với các đơn vị có nhu cầu thu mua nên không thải ra ngoài môi trường.

Chất thải rắn sản xuất không nguy hại chủ yếu là đá vụn, cặn lắng từ bể lắng nước thải sản xuất tuy phát sinh ít nhưng có tính tro. Do đó nếu không có biện pháp thu gom, xử lý sẽ làm gia tăng nồng độ bụi trong không khí, mất mỹ quan khu vực trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của dự án. Tuy nhiên trên thực tế thì lượng chất thải này luôn được thu gom hàng ngày nên ảnh hưởng của nguồn thải tới các điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội hầu như không đáng kể.

 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào thùng nhựa thể tích 240 lít, ở kho chứa riêng biệt.

- Kho/khu vực lưu chứa:

- + Diện tích kho: 12m², bố trí tại khuôn viên Dự án.
- + Thiết kế, cấu tạo: Kho được dán nhãn Khu vực chứa chất thải công nghiệp không nguy hại. Tường bao và mái che, nền gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ số 143/2022/HĐ/AH-WR ngày 20/12/2022 về việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy.

Chất thải công nghiệp không nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải và giẻ lau dính dầu chống thấm, bao bì đựng hóa chất, pin ắc quy chì thải,...

Thành phần khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại dự án được thể hiện ở bảng sau đây:

Bảng 3.3 Bảng tổng hợp loại chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh

STT	Thành phần rác thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Hoạt động chiếu sáng	Rắn	10	16 01 06
2	Pin, ắc quy chì thải	Hoạt động sản xuất	Rắn	20	19 06 01
3	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	Hoạt động sản xuất	Lỏng	10	17 02 04
4	Dầu nhớt thải	Hoạt động sản xuất	Lỏng	20	17 02 04
5	Bao bì nhựa cứng có dính thành phần nguy hại thải	Hoạt động sản xuất	Rắn	200	18 01 03
6	Bao bì kim loại cứng có dính thành phần nguy hại thải	Hoạt động sản xuất	Rắn	40	18 01 02
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Hoạt động sản xuất	Rắn	50	18 02 01
Tổng cộng				350	

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock)

Nhận xét:

Từ bảng trên cho thấy, lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy chì thải; bao bì nhựa cứng có dính thành phần nguy hại thải, bao bì kim loại cứng có dính thành phần nguy hại thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại. Nếu không có biện pháp thu gom xử lý nếu đổ ra môi trường sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường đất, nước. Tuy nhiên trên thực tế thì lượng chất thải này luôn được thu gom hàng ngày sau mỗi ca làm và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý nên ảnh hưởng của nguồn thải tới các điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội hầu như không đáng kể.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thu gom: Khi có chất thải nguy hại phát sinh, nhân viên công ty có trách nhiệm đưa chất thải tới khu vực lưu trữ riêng cho chất thải nguy hại. Tập trung tại khu vực lưu chứa riêng biệt, không để lẫn chất thải nguy hại với các loại chất thải khác và không để lẫn các loại chất thải nguy hại với nhau.

- + Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10 m² đặt tại khuôn viên nhà máy.
- + Bố trí các thùng rác với dung tích 120 lít và bao PP chống thấm.
- + Kết cấu kho: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa

chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ số 143/2022/HĐ/AH-WR ngày 20/12/2022 về việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải giữa Công ty TNHH Whiterock và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy.

- Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/ 2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom: theo lưu lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế đảm bảo đúng quy định pháp luật về quản lý chất thải.

- Quy trình vận hành: CTNH từ các khu vực phát sinh → phân loại riêng biệt từng loại → thu gom về khu vực tập trung → đưa vào các thiết bị chứa riêng biệt, phù hợp → bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

3.5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

❖ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất;
- Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn;

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết;

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ,

❖ Biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung cho công nhân:

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Biện pháp phòng chống cháy nổ

❖ Biện pháp giảm thiểu chung

Để phòng ngừa khả năng gây cháy nổ trong quá trình hoạt động sản xuất, các biện pháp áp dụng bao gồm:

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật; Các công nhân vận hành máy móc sản xuất được huấn luyện cơ bản về quy trình kỹ thuật vận hành.

- Hệ thống cứu hỏa được kết hợp giữa khoảng cách của các phân xưởng lớn hơn 10m đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp phạm vi các nhà máy, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột, ... trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện. Hệ thống phun nước chữa cháy tự động theo giới hạn nhiệt độ 70⁰C bố trí đều trên mái xưởng kết hợp hệ thống bơm điều khiển bằng áp lực trong đường ống hoặc từ bể dự trữ nước trên cao;

- Các loại hóa chất và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa dung môi sẽ được lắp đặt các van an toàn, các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động;

- Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện;

- Các loại chất thải có tính dễ bắt cháy giẻ lau dính hóa chất, dính dầu nhớt,... chủ cơ sở sẽ hợp đồng xử lý nhanh chóng không để tồn lưu số lượng lớn dễ gây cháy nổ tại Công ty.

- Trong các vị trí sản xuất thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc.

- Một vấn đề khác rất quan trọng là sẽ tổ chức ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho toàn bộ nhân viên trong nhà máy. Việc tổ chức này đặc biệt chú ý đến các nội dung sau:

+ Tổ chức học tập nghiệp vụ; tất cả các khu vực dễ cháy đều có tổ nhân viên kiêm nhiệm công tác phòng hỏa. Các nhân viên này được tuyển chọn, được huấn luyện, thường xuyên kiểm tra.

+ Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Lắp đặt các tiêu lệnh PCCC tại những vị trí dễ nhìn.

+ Phối hợp với cơ quan PCCC để diễn tập nhằm nâng cao khả năng ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

– Công ty cam kết lập hồ sơ đề nghị thẩm duyệt PCCC cho Dự án.

❖ **Biện pháp giảm thiểu cho từng khu vực**

– Đối với khu vực lưu chứa nhiên liệu, hóa chất:

- + Thường xuyên vệ sinh khu chứa, tránh để bụi tồn đọng trong xưởng.
- + Che chắn, bảo vệ cẩn thận các thiết bị điện tại khu vực chứa hóa chất, nhiên liệu.
- + Đảm bảo tắt điện ngoài giờ làm việc.
- + Trang bị thiết bị PCCC tự động
- + Bố trí rãnh thu gom hóa chất tại kho chứa hóa chất.
- + Đảm bảo khả năng thông thoáng nhà xưởng.

– Đối với xưởng sản xuất:

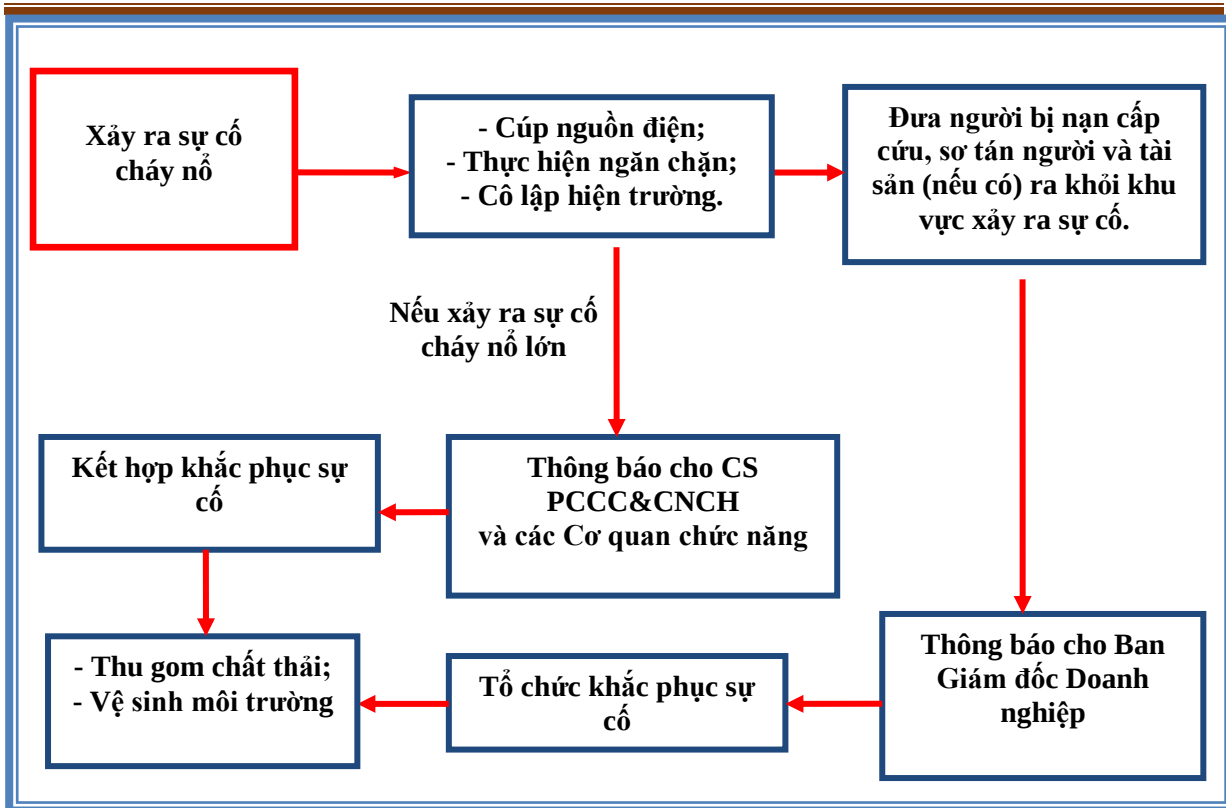
- + Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện sử dụng.
- + Vệ sinh hàng ngày khu vực sản xuất.
- + Đảm bảo khả năng thông thoáng nhà xưởng.

Luôn có một đội ngũ cán bộ nhân viên vận hành tại kho chứa. Do vậy, việc bảo vệ con người và thoát hiểm rất quan trọng khi đám cháy không được kiểm soát và loại trừ hoàn toàn.

Nhân viên vận hành cần nắm rõ:

- Quy trình vận hành hệ thống công nghệ và điều khiển.
- Thiết bị chữa cháy, an toàn.
- Công thoát hiểm.

❖ **Sơ đồ ứng cứu sự cố cháy nổ:**



Hình 3.6 Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy

b. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

Do số lượng hóa chất sử dụng tại dự án tương đối nhiều, Công ty sẽ lập kế hoạch về biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất để gửi về cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

Để phòng chống và cấp cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu, Chủ cơ sở sẽ phối hợp cùng các cơ quan chức năng kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật trong kho chứa, phương tiện vận tải và lập phương án ứng cứu sự cố, cụ thể như sau:

❖ Hệ thống kho chứa, bảo quản hóa chất

Hệ thống kho chứa nguyên nhiên liệu sẽ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn (bao gồm các hệ thống làm mát, van thoát hơi, hệ thống chống sét, hệ thống cứu hỏa, vòi nước để xử lý kịp thời trường hợp bị dính hóa chất,...).

❖ Bảo quản chất hóa học nguy hiểm

Kho hóa chất nguy hiểm được khóa lại, chất hóa học được chứa trong thùng chứa chuyên dụng, tránh rò rỉ gây ô nhiễm và nguy hại.

Các khu vực đều bố trí tủ xử lý khẩn cấp, trong tủ đều có găng tay, áo phòng hộ/ máy thở oxy, phin lọc độc/tủ cấp cứu v.v...

❖ Vận tải và quá trình nhập xuất nhiên liệu

Các phương tiện vận chuyển xăng dầu, nguyên liệu lỏng sẽ có đủ tư cách pháp nhân, cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường giao thông.

Thực hiện nghiêm ngặt qui định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nhiên liệu như:

- + Các loại hóa chất được dán đầy đủ thông tin về chủng loại, độc tính nguy hiểm.
- + Tránh các va đập mạnh trong quá trình xếp dỡ nguyên vật liệu;
- + Thường xuyên kiểm tra độ kín khít của các thùng, bồn chứa chất lỏng để phát hiện kịp thời các trường hợp bị rò rỉ;
- + Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như kính, găng tay, áo choàng, mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,...;

Thiết kế, xây dựng nhà kho theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507:2002 về hóa chất nguy hiểm – quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Kho chứa được xây dựng, tuân thủ theo các quy định về cự ly an toàn, các cấp bậc chịu lửa, bố trí giao thông đi lại của người và phương tiện theo đúng các quy định tại TCVN 2622:1995. Tường, sàn kho chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn nhà được thiết kế chỗ chứa hóa chất rò rỉ hoặc tràn đổ, bề mặt không gồ ghề để dễ dọn sạch. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút; tất cả các bức tường đều không thấm nước; bề mặt bên ngoài của tường trơn nhẵn, có thể rửa một cách dễ dàng mà không bắt bụi.

Có lối đi ra, vào phù hợp với cửa chịu lửa được mở hướng ra ngoài. Cửa có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.

Kho luôn luôn được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ, tuyệt đối cấm mọi nguồn lửa đối với kho chứa nhiên liệu.

Có hệ thống thông gió để làm loãng và hút khí độc sinh ra.

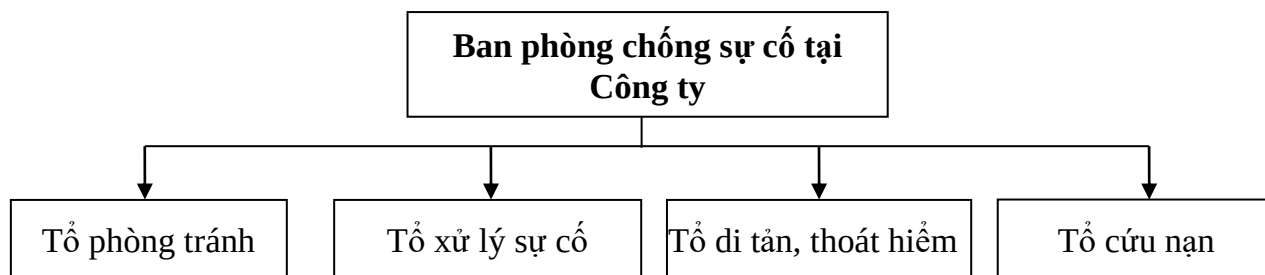
❖ Phương án xử lý sự cố rò rỉ

Công ty sẽ tiến hành xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Hóa chất. Chủ cơ sở ra quyết định ban hành biện pháp và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu (theo khoản 1; 2 Điều 21 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất). Cụ thể như sau:

Công ty sẽ xây dựng các kế hoạch ứng cứu sự cố và xây dựng Ban phòng chống sự cố để phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng bộ phận; phân công rõ ai sẽ liên lạc với ai, ai chịu trách nhiệm về sự cố, ai sẽ làm công việc gì trong khi xảy ra sự cố, tránh tình trạng dồn hết vào nơi này mà bỏ hờ nơi khác, mục tiêu khác. Cũng không

nên phân quá nhiều công việc cho một người, họ sẽ dễ quên và lơ là công việc hoặc không thể đảm đương nổi khi sự cố xảy ra.

Sơ đồ tổ chức Ban phòng chống sự cố tại Công ty như sau:



Hình 3.7 Sơ đồ tổ chức Ban phòng chống sự cố tại Công ty

Mỗi bộ phận trong sơ đồ đều có nhiệm vụ riêng. Trách nhiệm của từng bộ phận trong Ban phòng chống sự cố được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.4 Bảng phân công trách nhiệm từng bộ phận

BỘ PHẬN	TRÁCH NHIỆM
Ban phòng chống sự cố (Tổng chỉ huy)	– Do giám đốc chịu trách nhiệm – Chỉ huy và lãnh đạo cao nhất trong sự cố hóa chất – Ra các quyết định quan trọng trong kịch bản khẩn cấp – Quan hệ với chính quyền địa phương, Tỉnh, Trung Ương, và các cơ quan chức năng khác có liên quan... – Kiểm soát, giám sát – Chỉ đạo việc thực thi, tuân thủ theo các quy định của công ty và quy định của pháp luật – Đánh giá và sửa đổi các kế hoạch
Tổ phòng tránh	– Do trưởng phòng phụ trách khu vực kho chứa chịu trách nhiệm. – Kiểm tra đảm bảo các thiết bị, dụng cụ ứng phó, trong tình trạng hoạt động, vận hành tốt. – Kiểm tra thường xuyên để đảm bảo cho nhân viên có cách xử lý khi có sự cố xảy ra. – Xử lý ngay khi sự cố xảy ra tại khu vực mình quản lý.
Tổ xử lý sự cố	– Do trưởng phòng bảo trì chịu trách nhiệm – Đề nghị xây dựng các chương trình huấn luyện – Ngăn ngừa và xử lý các tình trạng khẩn cấp khi đổ tràn hóa chất – Giữ nguyên hiện trường sau sự cố để điều tra và đảm bảo an toàn cho mọi nhân viên. – Trang bị các dụng cụ cá nhân chuyên dụng cho nhân viên xử lý. – Ngăn chặn từ nguồn các nguyên nhân gây ra sự cố.

BỘ PHẬN	TRÁCH NHIỆM
	– Cô lập các khu vực cháy, đổ tràn hóa chất – Xử lý các hóa chất đổ tràn bằng các phương pháp thấm bằng bao cát, bông.... – Thu gom các hóa chất chảy tràn.
Tổ di tản	– Do trưởng phòng tổng hợp chịu trách nhiệm. – Phụ trách di tản, hướng dẫn thoát hiểm đảm bảo an toàn – Di chuyển tài sản tới các khu vực an toàn – Tuyệt đối bảo vệ con người và tài sản.
Tổ cứu nạn	– Do trưởng phòng nhân sự chịu trách nhiệm – Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cần thiết cho toàn bộ nhân viên. – Giúp đỡ và đưa người bị nạn tới khu vực an toàn hay xe cứu thương để chuyển đến bệnh viện. – Tổ chức cấp cứu tại chỗ – Kiểm tra “Danh sách nhân viên vắng mặt” để đảm bảo mọi người đã được giải thoát,...

• **Quy trình ứng cứu cụ thể cho quá trình tràn đổ và rò rỉ hóa chất**

Báo động

- Ngay lập tức báo cho công nhân hay trưởng ca hay phụ trách phòng gần nơi chảy tràn, rò rỉ hóa chất.
- Báo cho trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường (nếu cần).

• **Xác định vị trí hóa chất tràn đổ, rò rỉ**

- Nhanh chóng xác định hóa chất chảy tràn từ thùng, bể chứa nào.
- Nhanh chóng xác định hóa chất, khí gas rò rỉ từ đường ống, van nào.
- Xác định tên, vị trí chảy tràn, đường ống, van...

• **Mang thiết bị bảo hộ lao động**

- Mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,....
- Các bảo hộ cá nhân khác,...
- Các đơn vị sản xuất có trang bị dụng cụ phòng hộ (kính bảo hộ/ găng tay) các cá nhân đều được trang bị dụng cụ phòng hộ (nhét tai, nón an toàn v.v...).
- Các đơn vị sản xuất có trang bị công cụ quét dọn vệ sinh không gian, và quản lý phân loại rác, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ và tái sử dụng tài vật liệu.
- Nhân viên phòng thực nghiệm phải được qua đào tạo và tuyển chọn chuyên nghiệp, để có thể giảm thiểu đến tối sự cố tai nạn phát sinh.

- **Tắt nguồn gây tràn: tắt các đường ống, van, thùng chứa gây rò rỉ**

- Đóng các van cần thiết hay tắt bơm liên quan để không cho tiếp tục gây tràn bể.
- Để tránh trường hợp này, chuẩn bị bao cát, bông thấm ở những nơi cần thiết... và dùng các vật liệu này để thấm hóa chất chảy tràn hay rò rỉ.

- **Cô lập khu vực rò rỉ**

- Dùng biển báo thanh chắn, hàng rào hay cho người đứng canh chừng không cho bất cứ ai đi qua khu vực rò rỉ.
- Đóng tất cả các van xả hay dùng các phương tiện khác (nếu được) để ngăn không cho khí gas rò rỉ; hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống cống...
- Dùng thùng hứng các hóa chất rò rỉ.
- Thu hồi hóa chất chảy tràn, đổ.
- Sửa chữa chỗ rò rỉ, vệ sinh sau sự cố.
- Lập biên bản và viết báo cáo nguyên nhân và hậu quả sự cố.

- **Quy trình ứng phó cụ thể cho sự cố cháy xảy ra tại dự án:**

- Trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra tại dự án thì tất cả các cán bộ công nhân viên trong Công ty (đặc biệt là những công nhân được tập huấn về PCCC) hết sức cố gắng dập tắt đám cháy đồng thời báo cho ban khẩn cấp tại Công ty và cơ quan PCCC của tỉnh.

- Tìm mọi cách để tách biệt nguyên vật liệu ở khu vực chưa phát cháy ra thật xa so với khu vực cháy.

- Hàng năm Công ty sẽ phối hợp với cơ quan PCCC của tỉnh diễn tập chương trình ứng phó sự cố cháy.

- Xây dựng các hướng dẫn làm việc an toàn với hóa chất, sơ cứu khi không may tai nạn xảy ra khi làm việc với hóa chất.

- **Tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động tiếp xúc trực tiếp**

- Công ty sẽ lập phương án tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động tiếp xúc trực tiếp với hóa chất gửi về Sở Công Thương.

- Công ty mời đơn vị có chuyên môn và chức năng huấn luyện an toàn hóa chất

- Công ty sẽ mời Sở Công Thương kiểm tra và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho người lao động đã được huấn luyện.

- Định kỳ 02 năm Công ty sẽ mời đơn vị có chức năng huấn luyện cho cán bộ quản lý và người lao động.

c. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho công nhân

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tham gia sản xuất, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

– Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng dành cho công nhân làm việc, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất như quần áo bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, mắt kính bảo hộ, mặt nạ chống độc. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

– Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu cảnh báo cho công nhân viên những nguy cơ có thể xảy ra tại khu vực đặt biển báo.

– Luôn chú ý cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt Tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

– Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh, môi trường và an toàn lao động. Nhân viên này có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn cho công nhân thực hiện các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động của công nhân.

– Tổ chức giáo dục tuyên truyền giúp công nhân viên có kiến thức về an toàn lao động, tự bảo vệ chính mình, tránh các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng do thiếu hiểu biết.

– Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân theo quy định.

– Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng:

– Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy;

– Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

Hàng năm tổ chức đo đạc môi trường lao động và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc tại các vị trí có độ ồn cao.

d. Biện pháp an toàn lao động trong sử dụng xe nâng

Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân sử dụng xe nâng cũng như công nhân hoạt động trong nhà xưởng, cần tuân thủ các quy định sau đây:

– Người dùng xe nâng phải được hướng dẫn, có chứng chỉ vận hành xe nâng

– Hiểu biết về cấu tạo, dùng và tiến hành được các công tác bảo dưỡng xe nâng hạ.

– Không được để máy nổ khi đổ nhiên liệu vào thùng chứa. Không được hút thuốc lá bên cạnh thùng nhiên liệu. Tắt toàn bộ công tắc dùng điện khi đổ nhiên liệu vào thùng. Đổ nhiên liệu vào thùng chứa phải ở nơi thoáng khí.

– Biết các tín hiệu điều khiển và luật lệ liên lạc. Phải biết và hiểu được thạo các tín hiệu bàn bạc điều khiển bằng tay giữa người cầm lái và những người phụ lái. Cho xe

nâng hạ làm việc tại những nơi đã được qui định. Không được cho xe nâng hạ làm việc ở những vùng dễ cháy hoặc phòng kín thiếu ánh sáng...

- Không được thay đổi thêm bớt bộ phận nào vào xe.
- Tránh sạc bình trong thời gian ngắn (không no điện) và sạc nhiều lần trong ngày.
- Không được cho phép người nào khác ngoài người lái ngồi trên ca bin hay càng nâng hạ khi xe hoạt động.

e. Phòng ngừa sự cố môi trường

❖ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

❖ Đối với bể tự hoại

– Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

– Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

– Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

❖ Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố bể lắng nước thải sản xuất

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng bể lắng 4 ngăn xử lý nước thải sản xuất cụ thể như sau:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Hàng ngày khi vận hành cần kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ.
- Định kỳ kiểm tra bơm tuần hoàn, vệ sinh màng bơm.
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
- Định kỳ kiểm tra, hút cặn lắng để đảm bảo khả năng lắng nước thải.

❖ Kho (khu vực) chứa chất thải:

– Kho lưu giữ chất thải phải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào

nước mưa gây ô nhiễm môi trường. Kho chứa chất thải sẽ có đường thoát nước dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

– Kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

- Bố trí mảng xanh tại Dự án
- Bê tông hóa diện tích sân bãi và đường nội bộ trong khuôn viên Dự án.
- Định kỳ vệ sinh hệ thống thoát nước, hút hầm bể tự hoại và hút hầm bể lắng 4 ngăn.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Công ty TNHH Whiterock đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 02/02/2021. Hiện tại, quá trình hoạt động sản xuất và công trình xử lý môi trường tại Dự án không thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Dự án “Nhà máy gia công đá Granite công suất 96.000m² sản phẩm/năm” không thuộc dự án về gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học nên sẽ không có phương án cải tạo và phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ nước thải giảm bụi từ quá trình gia công tạo hình đá (cắt, cắt CNC, mài, mài cạnh, mài thủ công).

4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa

- Nguồn số 01: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa là 2,5 m³/ngày được thu gom xử lý định kỳ.
- Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh tối đa là 29,6 m³/ngày được bơm tuần hoàn tái sử dụng.

4.1.3. Dòng nước thải

Một (01) dòng nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được thu gom xử lý định kỳ.

Một (01) dòng nước thải sản xuất sau bể lắng 4 ngăn được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của cơ sở

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/l	100		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
4	COD	mg/l	150		
5	Tổng nitơ	mg/l	40		
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6		
7	Coliform	MNP/100ml	5.000		

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại ngăn sẽ được định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định.
- Nước thải sản xuất sau khi xử lý qua bể lắng 4 ngăn sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất

4.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 578277.32; Y = 1280045.53
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

4.2.3. Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

5.1.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022

5.1.1.1. Thời gian quan trắc

- + Đợt 1: ngày 14/03/2022.
- + Đợt 2: ngày 07/06/2022.
- + Đợt 3: ngày 06/09/2022.
- + Đợt 4: ngày 08/12/2022.

5.1.1.2. Tần suất quan trắc

- + Tần suất quan trắc nước thải: 3 tháng/lần.

5.1.1.3. Thông số quan trắc

Bảng 5.1: Danh mục thông số quan trắc

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT B
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	5-9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/l	SMEWW 5220B:2017	500
3	COD ^(a)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	150
4	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	100
5	N_NO ₃ ^(a)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	50
6	N_NH ₄ ^(a)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	6
7	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100 ml	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

^(a) Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận

^(b) Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường & Vilas công nhận

5.1.1.4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2022

Bảng 5.2: Tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong năm 2022

STT	Thông số	ĐVT	Đợt 1 14/3/2022	Đợt 2 7/6/2022	Đợt 3 6/9/2022	Đợt 4 8/12/2022	QCVN 40:2011/BT NMT (Cột B)
1	pH	-	6,87	6,42	6,63	5,87	5 – 9
2	STT	mg/L	42	35	35	24	100
3	COD	mg/L	96	81	70	55	150
4	BOD ₅	mg/L	38	33	29	24	50
5	Tổng N	mg/L	11,5	9,51	8,40	7,61	40
6	Tổng P	mg/L	1,37	0,87	0,99	0,51	6
7	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	4.300	3.400	3.800	3.100	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock, 2022)

Ghi chú:

Nhận xét: Qua bảng tổng hợp kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022

Nước thải đầu ra Hồ ga thoát nước thải sinh hoạt có chất lượng tốt, tất cả các chỉ tiêu thử nghiệm có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B. Điều này cho thấy, hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án đang hoạt động ổn định và hiệu quả.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

5.2.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2022

5.2.1.1. Thời gian quan trắc môi trường

+ Đợt 1: ngày 07/06/2022.

+ Đợt 2: ngày 08/12/2022.

5.2.1.2. Tần suất quan trắc

+ Tần suất quan trắc nước thải: 3 tháng/lần.

5.2.1.3. Vị trí các điểm quan trắc

+ Điểm quan trắc 01: Khu vực cổng bảo vệ

+ Điểm quan trắc 02: Khu vực sản xuất

5.2.1.4. Thông số quan trắc

Bảng 5.3 Danh mục thông số quan trắc chất lượng không khí

STT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067: 1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-PT	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971: 1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137: 2009	0,0046 mg/m ³

Bảng 5.4 Danh mục thông số quan trắc chất lượng vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng

STT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng*	May đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

Ghi chú:

(*): Các tiêu chí đã được Bộ Tài nguyên và Môi Trường công nhận

Bảng 5.5 Tổng hợp các kết quả quan trắc vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng định kỳ trong năm 2022

STT	Chỉ tiêu Điểm đo	Thông số				
		Cường độ (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
		Đợt 1 07/06/2022				
1	Khu vực cổng bảo vệ	63	32,1	68,5	0,9	ASTN
2	Khu vực sản xuất	79	31,0	70,2	0,3	612
		Đợt 2 08/12/2022				
1	Khu vực cổng bảo vệ	58	32,4	67,1	1,1	ASTN
2	Khu vực sản	82	30,6	72,8	0,3	488

STT	Chỉ tiêu Điểm đo	Thông số				
		Cường độ (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
	xuất					
	Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	-	-	-	-	-
	QCVN 22:2016/BYT^(a) QCVN 24:2016/BYT^(a) QCVN 26:2016/BYT^(a)	≤ 85	18-32	40-80	0,2-1,5	≥300

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock, 2022)

Ghi chú:

^(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Bảng 5.6 Tổng hợp các kết quả quan trắc khí thải định kỳ trong năm 2022

STT	Chỉ tiêu Điểm đo	Thông số			
		Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
		Đợt 1 07/06/2022			
1	Khu vực cổng bảo vệ	0,12	1,97	0,035	0,021
2	Khu vực sản xuất	0,47	3,25	0,089	0,053
		Đợt 2 08/12/2022			
1	Khu vực cổng bảo vệ	0,15	2,23	0,039	0,026
2	Khu vực sản xuất	0,40	3,12	0,073	0,047
	QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	30	0,35	0,2
	QCVN 02:2019/BYT^(a) QCVN 03:2019/BYT^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625

(Nguồn: Công ty TNHH Whiterock, 2022)

Ghi chú:

^(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Nhận xét: Qua bảng tổng hợp kết quả phân tích chất lượng khí thải năm 2022 tại vị trí: khu vực cổng bảo vệ và khu vực sản xuất:

Kết quả phân tích cho thấy, nồng độ bụi và các chất khí gây ô nhiễm trong không khí như SO₂, NO₂, CO, bụi tại các vị trí quan trắc đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 05:2013/BTNMT. Tiếng ồn ở khu vực nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT .

Chương 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Dự án không vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1 Giám sát nước thải

Bảng 6.1 Chương trình giám sát nước thải

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
Nước thải	Nước thải sản xuất sau xử lý	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, SS, Tổng Nitơ, Tổng phốt pho, Coliform	6 tháng/lần	QCVN 40:2011/BTNMT cột B

Ghi chú:

+ QCVN 40:2011/BTNMT – cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

6.2.2 Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Giám sát tại điểm tập kết chất thải rắn sản xuất, sinh hoạt, nguy hại, bùn thải sinh ra từ hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Giám sát sát khối lượng, công tác phân loại, thu gom và hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chứng từ giao nhận chất thải

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm của dự án như sau:

Bảng 6.2 Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm

TT	Hạng mục	Số lượng	Chi phí giám sát môi trường (VNĐ)
1	Giám sát môi trường nước thải	Toàn bộ	10.000.000
2	Nhân công	Toàn bộ	5.000.000
3	Vận chuyển	Toàn bộ	10.000.000
4	Thu thập số liệu và viết báo cáo	Toàn bộ	5.000.000
Tổng cộng			30.000.000

Chương 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động sản xuất, dự án sẽ gây ra một số ô nhiễm môi trường, tuy nhiên theo phân tích ở trên thì khả năng ô nhiễm này không đáng kể và có thể khắc phục được. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, mối quan hệ nhân quả giữa phát triển sản xuất và giữ gìn trong sạch môi trường sống. Công ty sẽ có nhiều cố gắng trong nghiên cứu và thực hiện các bước yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, công ty cam kết đảm bảo xử lý các chất thải đạt tiêu chuẩn sau:

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Đối với nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

- Cam kết nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất, chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp xử lý như đề xuất đã nêu trong báo cáo, xử lý đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý khí thải đạt QCVN 26:2010/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý khí thải đạt QCVN 22:2016/BYT – quy chuẩn quốc gia về chiếu sáng – mức chiếu cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý khí thải đạt QCVN 24:2016/BYT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý khí thải đạt QCVN 26:2016/BYT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- + Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại được quản lý tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

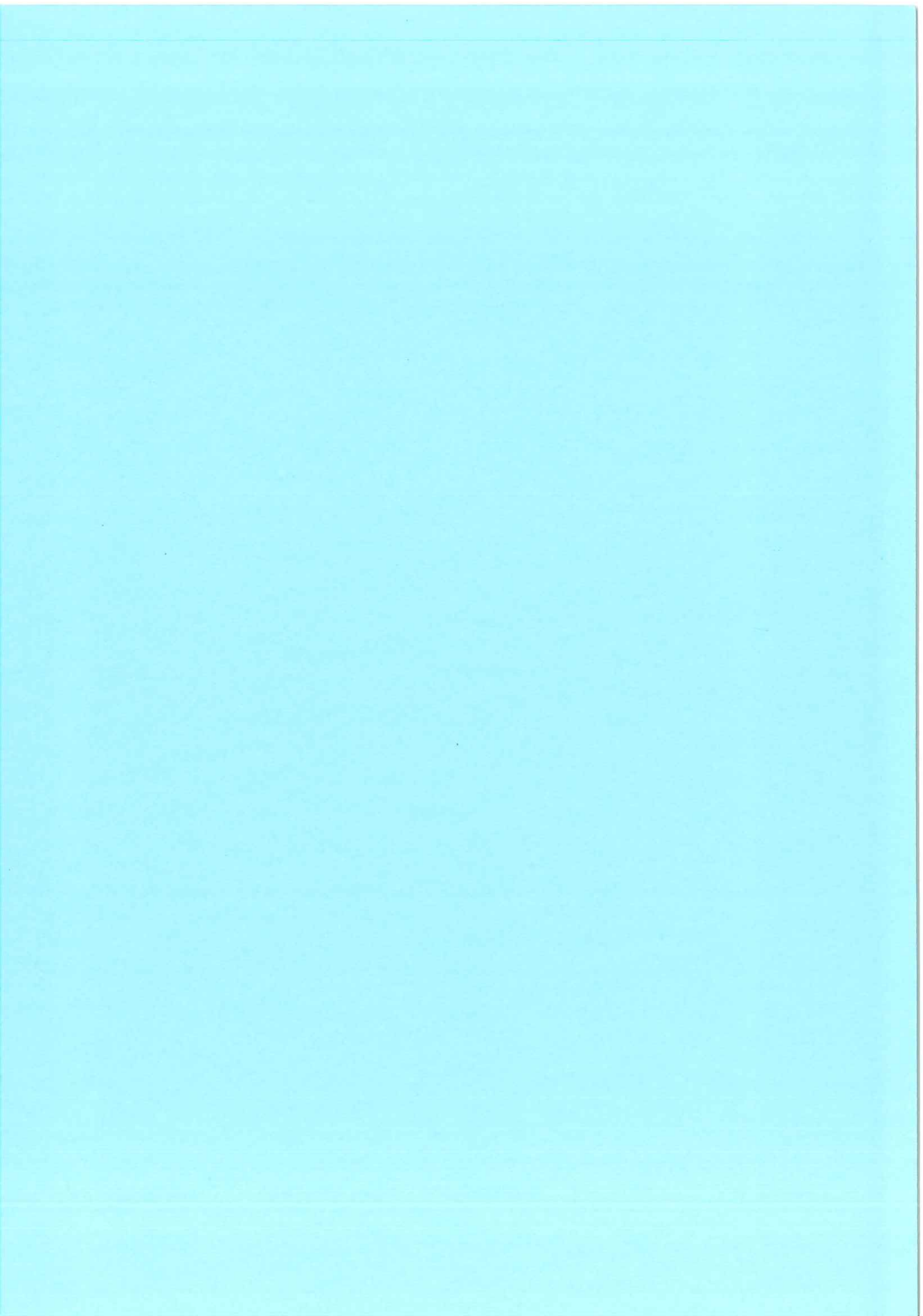
- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức như:

- + Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải;
- + Giảm thiểu tác động của nước thải;
- + Giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung;
- + Giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt
- + Giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại;
- + Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro, sự cố.
- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án như:
 - + Xây dựng, lắp đặt và tiếp tục vận hành các công trình xử lý môi trường (như hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn) đã được đề xuất cụ thể trong chương 4 của báo cáo.
 - + Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.
- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự cố môi trường
- + Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ;
- + Thực hiện các biện pháp phòng chống sét;
- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.
- + Thực hiện các biện pháp an toàn về điện;
- + Thực hiện các biện pháp kiểm soát khác như trong báo cáo đề trình bày.
- Cam kết khác:
 - + Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra đi vào hoạt động. Cam kết xử lý các sự cố về môi trường, sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung khi dự án đi vào hoạt động.
- + Trong quá trình đi vào hoạt động, chủ dự án cam kết chấp hành nghiêm chỉnh công tác bảo vệ môi trường và có phương án bảo vệ môi trường theo quy định, nếu đề xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về Môi trường.

Chủ Dự án cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kiến nghị UBND huyện Đồng Phú – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đồng Phú và các cơ quan chức năng liên quan thẩm định, cấp giấy phép môi trường để dự án sớm đi vào hoạt động và đảm bảo tiến độ cơ sở dự án, góp phần mang lại những lợi ích thiết thực về phát triển kinh tế - xã hội./.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801239934

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH WHITEROCK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WHITEROCK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WHITEROCK CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0798858220

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LƯƠNG THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 250735926

Ngày cấp: 01/02/2020

Nơi cấp: Công an Lâm Đồng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, Xã Tân Châu, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 9, Xã Tân Châu, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LANG LINGFENG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/09/1982

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: G57011291

Ngày cấp: 25/11/2011

Nơi cấp: Cục quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ công
an Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Longfuyicun Zonghelou Sanlou, Longgang Qu,
Shenzhen city, Guangdong Province, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Số : 18./HD 2021

Hôm nay, ngày 06 tháng 07 năm 2021, tại Văn phòng Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Bình Nguyễn, chúng tôi gồm có:

BÊN A: (Bên cho thuê)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG BÌNH NGUYỄN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303295842 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2021.

Địa chỉ: 32B5 Cư xá 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: ông Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1954, căn cước công dân số 037054001789 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 03/05/2019.

Chức vụ: Giám đốc.

BÊN B: (Bên thuê)

CÔNG TY TNHH WHITEROCK

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801239934 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 03/12/2020

Địa chỉ: Quốc lộ 14, đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Do ông: LANG LINGFENG, sinh năm 1982, hộ chiếu số G 57011291 do Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an Trung Quốc cấp ngày 25/11/2011

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Ông Lang Lingfeng có mời ông Lường Vĩnh Sinh, sinh năm 1991, chứng minh nhân dân số 272 174 016 do Công an Đồng Nai cấp ngày 21/04/2009 là người phiên dịch.

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất này (“Hợp Đồng Thuê”) theo các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: DIỆN TÍCH, ĐỊA ĐIỂM,

MỤC ĐÍCH, THỜI GIAN CHO THUÊ

1.1 Bên A cho Bên B thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng/sở hữu hợp pháp của Bên A tại địa chỉ Ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (gọi chung là “**Tài Sản Cho Thuê**”), cụ thể như sau:

Bên A cho bên B thuê toàn bộ diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng đất của bên A theo 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là: **17.369,40 m²**, cụ thể như sau:

Thửa số 01: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 285616, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 03471 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/10/2012 đã chuyển nhượng cho Công ty Bình Nguyễn theo Hợp đồng Công chứng số 13118 quyền số 2/2021 TP/SCC-HDGD do Văn Phòng Công Chứng Bình Phước chứng ngày 28/04/2021, cụ thể:

- Thửa đất số:
- Tờ bản đồ số:
- Diện tích: 400,4 m² (Bằng chữ: Bốn trăm phẩy bốn mét vuông).
- Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

Thửa số 02: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 285538, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 03528 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/8/2013 đã chuyển nhượng cho Công ty Bình Nguyễn theo Hợp đồng Công chứng số 13117 quyền số 2/2021 TP/SCC-HDGD do Văn Phòng Công Chứng Bình Phước chứng ngày 28/04/2021, cụ thể:

- Thửa đất số:



binh

- Tờ bản đồ số:
- Diện tích: 10131 m² (Bằng chữ: Mười ngàn một trăm ba mươi một mét vuông).
- Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

Thửa số 03: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 367781 số vào sổ cấp GCN: T 00107 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2005 (Điều chỉnh biến động ngày 12/5/2009) đã chuyển nhượng cho Công ty Bình Nguyên theo Hợp đồng Công chứng số 13119 quyền số 2/2021 TP/SCC-HDGD do Văn Phòng Công Chứng Bình Phước chứng ngày 28/04/2021, cụ thể:

- Thửa đất số: 122
- Tờ bản đồ số: 1
- Diện tích: 6838 m² (Bằng chữ: Sáu ngàn tám trăm ba mươi tám mét vuông).
- Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

Tài sản gắn liền với đất:

Nhà xưởng: Diện tích xây dựng: 2880 m²; diện tích sàn hoặc công suất: 2880 m², kết cấu chủ yếu: cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép, tường xây gạch + vách tole, mái lợp tole, nền bê tông; cấp công trình: III; số tầng: 01; năm hoàn thành xây dựng: -/-; thời hạn sở hữu: -/-. Tài sản này hiện tọa lạc trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 285538, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 03528 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/8/2013

Nhà văn phòng: Diện tích xây dựng: 106,95m²; diện tích sàn hoặc công suất: 237,89m², kết cấu chủ yếu: Khung chịu lực bằng BTCT; tường xây gạch; mái lợp ngói, nền lát gạch ceramic; cấp công trình: IV (loại F); số tầng: 02; năm hoàn thành xây dựng: -/-; thời hạn sở hữu: -/-. Tài sản này hiện tọa lạc trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 285616, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 03471 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/10/2012

Nhà kho: Diện tích xây dựng: 2559,68 m²; diện tích sàn hoặc công suất: 2559,68m², kết cấu chủ yếu: cột, vì kèo, xà gỗ thép, tường gạch, mái tôn, nền bê tông; cấp công trình: III; số tầng: 01; năm xây dựng: 2005; theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 706952539000112, hồ sơ gốc số: 2107/QĐ-UBND.00112 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/10/2007. Tài sản này hiện nằm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 367781 số vào sổ cấp GCN: T 00107 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2005 (Điều chỉnh biến động ngày 12/5/2009)

Trạm cân: Diện tích xây dựng: 152,33m², diện tích sàn hoặc công suất: 152,33m², kết cấu chủ yếu: nền bê tông, số tầng: 01, năm xây dựng: 2005; theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 706952539000112, hồ sơ gốc số: 2107/QĐ-UBND.00112 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/10/2007. Tài sản này hiện nằm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 367781 số vào sổ cấp GCN: T 00107 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/12/2005 (Điều chỉnh biến động ngày 12/5/2009)

1.2 Thời hạn cho thuê: 55 (năm mươi lăm) tháng, tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2021 đến ngày 01 tháng 12 năm 2025.

1.3 Mục đích thuê: Sản xuất, gia công, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm bằng đá marble và granite.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ CHO THUÊ

2.1 Đơn giá cho thuê cụ thể như sau:

- Đơn giá thuê trong 19 tháng đầu tiên: 165.000.000 đồng/ tháng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng mỗi tháng).
- Đơn giá thuê trong ba năm (36 tháng) tiếp theo: 214.500.000 đồng/ tháng (hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng mỗi tháng).

(Đơn giá trên đã bao gồm 10% VAT)

Tổng Trị giá hợp đồng (đã bao gồm 10% VAT): 10.857.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng)

- 2.2 Bên B thanh toán tiền thuê cho Bên A kể từ Tháng 06/2021 (là thời điểm bên B chấm dứt Hợp đồng thuê với Công ty TNHH Nam Anh và Bên A đã được chuyển nhượng theo Hợp đồng Công chứng số 13117, 13118, 13119 quyền số 2/2021 TP/SCC-HDGD do Văn Phòng Công Chứng Bình Phước chứng ngày 28/04/2021)

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Ngay sau khi ký Hợp Đồng Thuê này, Bên B đặt cọc cho bên A số tiền tương đương 6 tháng tiền thuê là: 900.000.000 đồng (**Chín trăm triệu đồng**) để bảo đảm việc thực hiện cam kết hợp đồng. Khoản tiền đặt cọc này được bên A thanh toán trả lại bên B ngay khi kết thúc hoặc thanh lý Hợp Đồng Thuê.
Số tiền đặt cọc này Bên A đã nhận được theo văn bản thỏa thuận ngày 22 tháng 05 năm 2021.
- 3.2 Trong vòng 10 ngày đầu hàng tháng, Bên B thanh toán cho Bên A 100% tiền thuê (bao gồm VAT) sau khi nhận được hoá đơn VAT hợp lệ cho Bên B.
- 3.3 Bên B thanh toán cho Bên A bằng phương thức chuyển khoản vào số tài khoản
CÔNG TY TNHH TMXD BÌNH NGUYỄN
Tài Khoản số: **118000038234**
Ngân Hàng Công Thương (Vietinbank) Chi Nhánh 7 HCM

ĐIỀU 4: BÀN GIAO TÀI SẢN CHO THUÊ:

- 4.1. Ngay sau khi ký kết Hợp Đồng Thuê, hai bên cử đại diện tiến hành bàn giao Tài Sản Cho Thuê. Việc bàn giao này phải được lập thành Biên bản bàn giao và được ký xác nhận bởi người có thẩm quyền của hai bên.
- 4.2. Biên bản bàn giao ghi nhận điều kiện của Tài Sản Cho Thuê tại thời điểm bàn giao cho Bên B sử dụng, bao gồm vị trí, diện tích, tình trạng, ý kiến của các bên (nếu có).
- 4.3. Biên bản bàn giao là cơ sở xác định thời hạn thuê, việc xử lý các hư hỏng, tổn thất, trách nhiệm liên quan đến Tài Sản Cho Thuê (nếu có) khi Bên B giao trả Tài Sản Cho Thuê lại cho Bên A và thanh lý Hợp Đồng Thuê.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

5.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- (a) Chịu trách nhiệm về quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp của mình đối với Tài Sản Cho Thuê.
- (b) Bàn giao tài Sản Cho Thuê theo hiện trạng và không có nghĩa vụ sửa chữa hư hỏng, xuống cấp của Tài Sản Cho Thuê trong thời hạn thuê.
- (c) Lập và cùng ký xác nhận Biên bản bàn giao theo Điều 4 của Hợp Đồng Thuê.
- (d) Có trách nhiệm thông báo cho bên B về việc Tài Sản Cho Thuê đang được thế chấp tại Ngân hàng (nếu có) và bên A chịu trách nhiệm bồi hoàn tổng số tiền thiệt hại cho bên B trong trường hợp phải chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn do Tài Sản Cho Thuê bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm với Ngân hàng. Bên A phải có được các chấp thuận cần thiết bao gồm văn bản đồng ý của bên nhận thế chấp về việc cho thuê Tài Sản Cho Thuê.
- (e) Mua bảo hiểm đầy đủ cho Tài Sản Cho Thuê theo quy định của pháp luật.
- (f) Không chịu bất cứ trách nhiệm nào về hoạt động và hàng hóa của Bên B tại địa điểm cho thuê nói trên.
- (g) Được miễn trách nhiệm trong trường hợp Hợp Đồng Thuê bị chấm dứt trước hạn do quyết định cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà không phải do lỗi của Bên B hoặc xảy ra các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Bên A phải hoàn trả tiền đặt cọc lại cho Bên B sau khi nhận được đề nghị của Bên B.
- (h) Chuyển trả đúng hạn qui định phần tiền đặt cọc thực hiện Hợp Đồng Thuê cho Bên B, sau khi hai bên đã tiến hành tất toán công nợ, thanh lý Hợp Đồng Thuê.
- (i) Đảm bảo Bên B có quyền ưu tiên đối với việc tiếp tục thuê Tài Sản Cho Thuê khi thời hạn thuê kết thúc.

- (j) Trong thời gian bên B tiến hành việc chỉnh sửa và hoàn thiện hạ tầng theo thiết kế hai bên đã phê duyệt, bên A có quyền giám sát kiểm tra thường xuyên để đảm bảo công việc trên được bên B tiến hành theo đúng thiết kế và không vượt quá phạm vi cho phép.
- (k) Sau khi Bên B kết thúc việc chỉnh sửa mặt bằng (có văn bản xác nhận của hai bên), Bên A có trách nhiệm đảm bảo quyền sử dụng độc quyền, không bị cản trở và xâm phạm của Bên B đối với Tài Sản Cho Thuê trong thời hạn thuê.
- (l) Bên A tại bất kỳ thời điểm nào có quyền tiếp cận địa điểm nơi có Tài Sản Cho Thuê để kiểm tra sau khi đã thông báo trước cho Bên B, và Bên A đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên B.
- (m) Có quyền dừng công việc kinh doanh của bên B tại tài sản cho thuê khi bên B vi phạm các điều khoản quy định tại điều 3.2 và điều 5.2 tại Hợp Đồng Thuê này.

5.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- (a) Sử dụng Tài Sản Cho Thuê đúng mục đích như quy định của Hợp Đồng Thuê.
- (b) Bên B có quyền ưu tiên đối với việc tiếp tục thuê Tài Sản Cho Thuê khi thời hạn thuê kết thúc.
- (c) Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại địa điểm có Tài Sản Thuê.
- (d) Tự bảo quản và chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa tại địa điểm có Tài Sản Thuê cũng như công tác giao nhận hàng hóa, an toàn lao động cho nhân viên, công nhân của Bên B.
- (e) Thanh toán đầy đủ tiền thuê tài sản cho Bên A theo Điều 2, Điều 3 của Hợp Đồng Thuê. Trong trường hợp việc thanh toán tiền thuê tài sản chậm quá thời gian quy định tại điều 3.2, bên B phải thanh toán lãi khoản chậm trả theo lãi suất cho vay quy định tại Ngân Hàng Công Thương (Vietinbank) vào thời điểm phát sinh.
- (f) Bên B có quyền tạm ngừng thanh toán tiền thuê theo quy định của Hợp Đồng Thuê này trong trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ của mình theo Điều 5.1 của Hợp Đồng Thuê. Việc tạm ngừng thanh toán sẽ chấm dứt khi Bên A đã khắc phục hoàn toàn vi phạm của mình.
- (g) Vệ sinh các hạng mục tài sản thuê sạch sẽ và giao trả lại nguyên trạng (trừ những hao mòn hợp lý).
- (h) Chịu trách nhiệm sửa chữa các hạng mục tài sản bị hư hỏng phát sinh trong thời gian thuê do lỗi của Bên B trước khi giao trả tài sản cho Bên A.
- (i) Chấp hành, thực hiện nghiêm túc và tự chịu trách nhiệm về các nội quy quy chế các quy định về PCCC, ANTT, vệ sinh an toàn lao động, vệ sinh môi trường tại địa điểm có Tài Sản Cho Thuê.
- (j) Bảo quản, giữ gìn Tài Sản Cho Thuê trong suốt thời hạn thuê.
- (k) Không được tự ý thay đổi hiện trạng cấu trúc Tài Sản Cho Thuê. Trong trường hợp có nhu cầu cần thay đổi thì phải được sự đồng ý của bên A. Chỉ được phép thi công khi bên A phê duyệt thiết kế và bảng kê chi tiết các hạng mục đề nghị sửa chữa.
- (l) Hết thời hạn thuê, bên B có trách nhiệm tháo dỡ di dời các máy móc thiết bị hoàn trả mặt bằng cho bên A ngoại trừ phần cơ sở hạ tầng đã xây dựng thêm hoặc chỉnh sửa đã được sự đồng ý của bên A.
- (m) Không được cho bên thứ ba thuê lại Tài Sản Cho Thuê trừ khi được Bên A đồng ý.

ĐIỀU 6: XỬ LÝ CÁC VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Đơn phương huỷ bỏ Hợp Đồng Thuê không đúng quy định:

- (a) Bên A vi phạm thì bên A hoàn trả tiền đặt cọc và bồi hoàn tổng số tiền mà bên B đã đầu tư vào trong suốt thời gian thuê sau khi đã khấu hao thời gian sử dụng.
- (b) Bên B vi phạm thì bên B mất tiền cọc và các chi phí phát sinh khác trong việc xử lý mặt bằng (nếu có).

6.2 Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng đủ nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo quy định tại Hợp Đồng Thuê này quá 30 ngày (trừ trường hợp quy định tại Điều 5.2(f) ở trên),

Handwritten signature

thì Bên A có quyền chấm dứt việc thực hiện Hợp Đồng Thuê với Bên B mà không được xem là vi phạm Hợp Đồng Thuê, áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với hàng hoá được lưu trong Kho.

- 6.3 Trong trường hợp Bên B không khắc phục các hư hỏng do Bên B gây ra đối với Tài Sản Cho Thuê, thì Bên A có quyền tự khắc phục và bù trừ vào phần tiền đã đặt cọc theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Thuê khi thực hiện tất toán và thanh lý Hợp Đồng Thuê.
- 6.4 Trong trường hợp quá thời hạn cho thuê theo Hợp Đồng Thuê, Bên B chưa giao trả Tài Sản Cho Thuê hoặc/và hàng hoá của Bên B vẫn còn lưu chứa trong kho, Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê cho Bên A theo như đơn giá và phương thức thanh toán đã quy định cụ thể tại điều 2 và điều 3 của Hợp Đồng Thuê này. Thời gian cho phép bên B quá hạn bàn giao mặt bằng vì những lý do hợp lý được bên A chấp nhận không được quá 01 tháng (30 ngày). Quá thời hạn trên bên A có quyền cưỡng chế bên B trao trả mặt bằng và mọi phát sinh chi phí do bên B chịu trách nhiệm chi trả.
- 6.5 Trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê và không khắc phục trong thời hạn hợp lý theo yêu cầu của Bên B, Bên B theo quyết định của mình có quyền chấm dứt Hợp Đồng Thuê bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A mà không được xem là hành vi vi phạm. Trong trường hợp này, Bên A phải nhanh chóng hoàn trả tiền đặt cọc cho Bên B, bồi hoàn mọi chi phí mà Bên B đã đầu tư vào Tài Sản Cho Thuê sau ngày bàn giao và bồi thường cho Bên B thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- 6.6 Không Bên nào được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước hạn mà không có hành vi vi phạm của Bên kia. Mọi sự chấm dứt Hợp Đồng Thuê không phù hợp với quy định này được xem là hành vi chấm dứt Hợp Đồng Thuê trái pháp luật và phải bị xử lý theo Điều 6.1 ở trên.

ĐIỀU 7: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

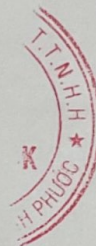
- 7.1 Hợp Đồng Thuê có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký xác nhận đầy đủ và chuyển tiền đặt cọc như qui định trong Điều 3 ở trên.
- 7.2 Trong trường hợp một trong hai bên có nhu cầu thay đổi thời hạn thuê (ngoại trừ các lý do bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh và các sự kiện khác được xem là sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật), thì hai bên cùng thỏa thuận xem xét các điều kiện bồi hoàn vật chất tránh gây thiệt hại cho phía bên kia.
- 7.3 Hai bên cam kết việc cho thuê và thuê phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không làm thay đổi hiện trạng và không làm giảm giá trị tài sản.
- 7.4 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các điều khoản quy định trong Hợp Đồng Thuê này. Mọi sự thay đổi, bổ sung, gia hạn chỉ có giá trị khi được hai bên thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng.
- 7.5 Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hợp Đồng Thuê này (nếu xảy ra), hai bên không thương lượng giải quyết được, tranh chấp đó sẽ được giải quyết bởi tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 7.6 Khi Hợp Đồng Thuê chấm dứt, thanh lý, hai bên tiến hành đối chiếu và lập Biên bản thanh lý.
- 7.7 Hợp Đồng Thuê này được lập thành 04 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản gốc làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHẤM ĐỌC
Nguyễn Thanh Bình

ĐẠI DIỆN BÊN B



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /GXN-UBND

Đồng Phú, ngày 02 tháng 02 năm 2021

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

UBND HUYỆN ĐỒNG PHÚ XÁC NHẬN

Công ty TNHH Whiterock, Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3801239934, do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2020; đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy gia công đá Granite, công suất 96.000 m² sản phẩm/năm, địa điểm thực hiện: Quốc lộ 14, đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ngày 21 tháng 01 năm 2021 (theo Biên nhận số 000.00.71.H10-210121-0043).

Công ty TNHH Whiterock có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật bảo vệ môi trường.
3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:

STT	Các công trình bảo vệ môi trường	Tiến độ hoàn thành
I	Các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:	
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	Đã hoàn thành
2	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác, khu vực lưu trữ tạm thời, hợp đồng xử lý theo quy định	Tháng 01/2021
3	Xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại: Bố trí thùng rác, khu vực lưu trữ, hợp đồng xử lý theo quy định	Tháng 01/2021
4	Xử lý chất thải nguy hại: Bố trí thùng rác, khu vực lưu trữ, hợp đồng xử lý theo quy định	Tháng 01/2021
II	Các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động dự án	



1	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác, khu vực lưu trữ, hợp đồng xử lý theo quy định	Tháng 01/2021
2	Xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại: Bố trí thùng rác, khu vực lưu trữ, hợp đồng xử lý theo quy định	Tháng 01/2021
3	Xử lý chất thải nguy hại: Bố trí thùng rác, khu vực lưu trữ, hợp đồng xử lý theo quy định	Tháng 01/2021
4	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa (tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải)	Tháng 01/2021
5	Hệ thống thu gom, bể lắng 4 ngăn xử lý nước thải sản xuất	Tháng 01/2021
6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	Đã hoàn thành
7	Công trình, phương tiện Phòng cháy chữa cháy	Tháng 01/2021
8	Cây xanh	Tháng 03/2021

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường. Bảo đảm xử lý nước thải sản xuất đạt cột B, Quy chuẩn quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT trước khi tái sử dụng cho quá trình sản xuất; đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, vi khí hậu và không khí trong khu vực sản xuất đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 22:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại, cặn lắng từ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Whiterock phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải theo đúng nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo ngay cho UBND huyện Đông Phú và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Định kỳ thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận và theo quy định tại Điều 37, Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký, Công ty TNHH Whiterock phải có văn bản báo cáo và chỉ

được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

- Trường hợp các Quy chuẩn quốc gia viện dẫn trong mục 4 của Giấy xác nhận này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Whiterock;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Đồng Tiến;
- LĐVP, CVMC;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tùng



Số: 143/2022/HĐ/AH-WR

Bình Phước, ngày 20 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.113.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần thứ ba ngày 30/9/2021;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

Địa chỉ : QL 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại :

Mã số thuế : 3801239934

Đại diện : Ông LANG LINH FENG Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN HUY

Địa chỉ : Ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 0271.651.1139

Mã số thuế : 3800683939

Tài khoản số: 9393686868 Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Phước

Đại diện : Ông NGUYỄN VĂN THỂ Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai Bên đồng ý ký hợp đồng với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chấp thuận để Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ("CTNH") và chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Bên A (danh mục Chất thải được liệt kê tại Điều 2).
- Bên B đảm bảo toàn bộ lượng Chất thải được thu gom từ Bên A được xử lý đúng

quy định của pháp luật. Bên B tự chịu trách nhiệm đối với Chất thải sau khi nhận bàn giao từ Bên A.

1.1. Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý Chất thải:

- Thời gian thu gom: Bên A báo trước cho bên B 24 giờ.
- Thời hạn Hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký.
- Địa điểm thu gom Chất thải: QL 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.2. Phương tiện vận chuyển, phương thức và địa điểm xử lý:

- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đúng với quy định của pháp luật.
- Sau khi giao nhận hai Bên phải đối chiếu số lượng Chất thải xử lý và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài nguyên và Môi trường do Bên B cung cấp.
- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải, Bên B chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- Đối với các loại chất thải phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.
- Phương thức xử lý: Theo đúng phương án xử lý được quy định tại Giấy phép xử lý CTNH số: 1-2-3-4-5-6.113.VX của Bên B do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp.
- Địa điểm xử lý: Tại nhà máy xử lý chất thải của bên B, địa chỉ: ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Bên B chịu trách nhiệm và đảm bảo phương tiện vận chuyển, phương thức và địa điểm xử lý Chất thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Danh sách các loại Chất thải cần xử lý và đơn giá xử lý:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (vnd/đvt)	Tần suất thu gom
I	Chất thải nguy hại				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	7.000	2 lần/năm
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	3.000	
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	5.000	
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	2.000	
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	5.000	
II	Chất thải công nghiệp thông thường				

1	Chất thải công nghiệp thông thường không nhiễm TPH (đá vụn, bột đá)	-	Kg	1.700	Khi có nhu cầu
Đơn giá trên bao gồm thuế GTGT					

Ghi chú:

- ❖ **Đối với CTNH:** đơn giá xử lý trên áp dụng với số lượng **1.000kg/2 lần thu gom/năm**. Nếu sau 2 lần thu gom/năm mà số lượng chất thải vượt quá 1.000kg thì mỗi kg vượt sẽ tính thêm chi phí 10.000đ/kg;
- ❖ **Đối với CTTT** Mỗi chuyến thu gom tối thiểu là 3.000kg. Nếu mỗi chuyến dưới 3.000kg thì vẫn tính chi phí với khối lượng 3.000kg; trường hợp mỗi chuyến trên 3.000kg thì sẽ tính chi phí theo số lượng thực tế phát sinh;
- ❖ Đơn giá nêu trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý, bao gồm thuế GTGT.

2.2 Hình thức và thời gian thanh toán:

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản: Công ty cổ phần công nghệ An Huy – STK: 9393686868 Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Phước. Ngoài hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên B không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm điều này, Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên B.

- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị hóa đơn sau 07 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ (hai bên chốt công nợ và xuất hóa đơn GTGT vào cuối mỗi tháng).

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

Bên A:

- Nơi chứa Chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được bỏ sẵn vào phương tiện chứa CTNH riêng bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH. Có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có). Không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục Hợp đồng.

- Hỗ trợ phương tiện, công cụ để thuận tiện cho việc lấy chất thải (xe nâng,)

- Xác nhận số lượng, khối lượng chuyển vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận Chất thải và Biên bản giao nhận của Bên B. Thanh toán chi phí cho Bên B theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.

- Thông báo cho Bên B trước trong trường hợp khối lượng Chất thải tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom.

- Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung Hợp đồng.

- Bên A phải giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo Biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại Chủ nguồn thải.

- Bên A có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình giao

nhận CTNH tại kho Bên A để công việc được hoàn thành nhanh chóng.

Bên B:

- Cam kết có đăng ký ngành nghề phù hợp để cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng, có phương tiện chuyên dụng, có đầy đủ và duy trì hiệu lực các giấy phép, chứng chỉ (Giấy phép đăng ký kinh doanh, Giấy phép hành nghề xử lý CTNH) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này theo quy định của pháp luật. Thông báo ngay lập tức cho Bên A nếu có bất cứ sự điều chỉnh, hết hiệu lực của các giấy phép, chứng chỉ nêu trên.
- Thông báo cho Bên A nếu có phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý Chất thải để cùng phối hợp giải quyết.
- Vận chuyển, xử lý Chất thải cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung Hợp đồng.
- Bên B sẽ thu gom Chất thải của Bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa Chất thải, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý Chất thải của Bên B.
- Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý Chất thải của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý Chất thải không đúng theo pháp luật hiện hành.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý Chất thải khi được Bên A yêu cầu.
- Bên B có thể từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A cố tình bàn giao các Chất thải không đúng theo danh sách tại Điều 2 của Hợp đồng cho Bên B và không khắc phục sai phạm trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B.
- Tuân thủ quy định nội bộ của Bên A về an toàn lao động, vệ sinh lao động, môi trường và PCCC trong quá trình làm việc ở khu vực của Bên A.
- Hoàn thành đầy đủ biên bản giao nhận, chứng từ Chất thải theo đúng quy định của pháp luật và giao lại chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A chậm nhất trong 40 ngày kể từ ngày nhận bàn giao chất thải nguy hại từ Bên A.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt khi một trong Hai Bên không có nhu cầu thực hiện tiếp Hợp đồng thì bên muốn chấm dứt phải thông báo cho bên còn lại trước 30 ngày kể từ thời điểm muốn chấm dứt Hợp đồng.
- Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt khi một trong Hai Bên chấm dứt hoạt động theo pháp luật doanh nghiệp hoặc Bên B hoàn tất đầy đủ các nghĩa vụ của mình như nêu tại Hợp đồng (kể cả nghĩa vụ bảo hành) và Bên A hoàn tất việc thanh toán các chi phí đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho Bên B hoặc khi Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp này, Hai Bên sẽ lập biên bản thanh lý Hợp đồng trong thời gian không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt.

4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

- Trong những trường hợp sau đây (“Sự Kiện Vi Phạm”), các bên có quyền chấm dứt, hoặc đình chỉ, hoặc hủy bỏ Hợp đồng này với hiệu lực ngay lập tức vào bất kỳ thời điểm nào sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại và không phải bồi thường hoặc thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào: Các Bên vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng mà không khắc phục trong vòng 03 (ba) ngày sau khi có thông báo.

- Quyền của các Bên quy định tại Điều này sẽ không bị hạn chế trong bất kỳ trường hợp nào, và có thể thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này sau khi có các Sự Kiện Vi Phạm nêu trên xảy ra, bất kể các bên đã áp dụng các chế tài khác (như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, v.v...)

ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;

- Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Bồi thường thiệt hại:

- Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia (tổng mức đền bù không vượt phần giá trị hợp đồng đã thực hiện).

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

- Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;

ĐIỀU 7: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu một trong hai

bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước một tháng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khi hợp đồng hết hạn nếu hai bên không còn vướng mắc gì, hợp đồng xem như tự thanh lý.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau Bên A giữ 02 (hai) bản ; Bên B giữ 02 (hai) bản/.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thế

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Số : 01/2022/CTGN-AH

Ngày 22/12/2022



1. Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH WHITEROCK		Mã số QLCT :
Cơ sở phát sinh : CSC		ĐT :
Địa chỉ : QL.14, Đồi 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT : 0978830045 - Ms Lệ
2. Chủ hành nghề QLCTNH : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN HUY		Mã số QLCT : 1-2-3-4-5-6.113.VX
Địa chỉ văn phòng : Ấp Suối Bình, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.		ĐT : 0271.6511139
Địa chỉ nhà máy : Ấp Suối Bình, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.		ĐT : 0271.6511139
Phương tiện vận chuyển số :		

3. kê khai CTNH chuyển giao						
STT	Tên chất thải / hàng hóa	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Số lượng	Phương án
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg		HTXLBĐ
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	Kg		PT, TC, TĐ
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	Kg		TĐ
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Kg		SR, TC
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	3 kg.	TĐ

* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: Thu hồi tái chế (TC); trung hòa (TH; Phân tách/chiết/loọc...(PT); Oxy hoá (OH); Kết tủa (KT); hoá rắn/ổn định hoá/thủy tinh hoá...(HR); Lò đốt chuyên dụng (TĐ); Sinh học (SH); Chôn lấp (CL); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

4.Xác nhận việc niêm phong phương tiện vận chuyển : SEAL Số Chữ ký.....

5.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CNTH như kê khai ở mục 3

6 Xác nhận của đại diện chủ nguồn thải			7. Xác nhận của đại diện vận chuyển, xử lý		
 Tru Thi Le			 Bao Quoc Dong		

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP
THÔNG THƯỜNG

Số: 01/2022/BB/AH-WR

CÔNG TY
CỔ PHẦNCÔNG NGHỆ
AN HUY

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH WHITEROCK

Địa chỉ văn phòng: QL 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
ĐT: 0271.2242.888Địa chỉ cơ sở: QL 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
ĐT: 0271.2242.888

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN HUY

Địa chỉ văn phòng: Ấp Suối Bình, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 0271.6511139Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Suối Bình, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 0271.6511139

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
I	Chất thải phải xử lý		
1	Chất thải công nghiệp thông thường không nhiễm TPNH (đá vụn, bột đá)	3.000 kg.	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày tháng năm....

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Bùi Thị Lệ

Bình Phước, ngày tháng năm....

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Trần Quốc Dũng

PHIẾU CÂN XE

STT:

12

Loại hàng :

Khách hàng :

- Số xe : 93C08194

- Trọng lượng xe & hàng : 15,690 Kg

Ngày giờ : 22/12/2022 08:33

- Trọng lượng xe : 13,050 Kg

Ngày giờ : 22/12/2022 07:29

- Trọng lượng hàng : 2,640 Kg

- Số chứng từ :

- Ghi chú :

- Kiểu cân : XUẤT HÀNG

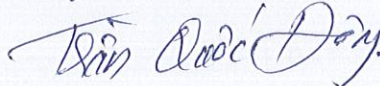
Ngày 22 tháng 12 năm 2022

Bảo vệ

Tài xế

Người cân

(hoặc đại diện đơn vị)

kê khai ở mục 3

7. Xác nhận của đại diện vận chuyển, xử

Số: 10/NT-PC07

Bình Phước, ngày 11 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH WhiteRock.

Căn cứ Điều 16 Luật Phòng cháy và chữa cháy; Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ; Điều 08 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an, quy định việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 03/TD-PCCC ngày 05/01/2021 của Phòng CS.PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Biên bản kiểm tra về PCCC&CNCH nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày 08/01/2021.

Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 05/01/2021 của: Công ty TNHH WhiteRock.

Người đại diện là ông: Lang Lingfeng - Chức vụ: Giám đốc.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục/công trình: **“Nhà máy sản xuất đá xe xây dựng WhiteRock Đồng Phú”**, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: QL14, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH WhiteRock.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH MTV Nguyên Ngọc.

Nội dung được nghiệm thu: Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Quy mô các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất và văn phòng diện tích 3.000m², 01 tầng.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 08/01/2021.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng. / *ket*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Vịnh



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 158-03/22-2.45 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian gửi mẫu : 14/03/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	pH*** (25,1°C)	-	6,87	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	42	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	96	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	38	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	11,5	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,37	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Coliform*	MPN/100mL	4.300	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(***): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/1

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 372-06/22-6.18 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian lấy mẫu : 07/06/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực cổng	63	32,1	68,5	0,9	ASTN
Gới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ – 21 giờ: 70 21 giờ – 6 giờ: 55	-	-	-	-
2.Khu vực sản xuất	79	31,0	70,2	0,3	512
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 – 1,5	≥ 300

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 372-06/22-6.18 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian lấy mẫu : 07/06/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
1.Khu vực cổng	0,12	1,97	0,035	0,021
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2
2.Khu vực sản xuất	0,47	3,25	0,089	0,053
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 372-06/22-6.18 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian lấy mẫu : 07/06/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,3 ⁰ C)	-	6,42	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	35	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	81	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	33	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	9,51	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,87	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Coliform*	MPN/100mL	3.400	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 602-09/22-1.7 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian gửi mẫu : 06/09/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	pH*** (27,4 ⁰ C)	-	6,63	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	35	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	70	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	29	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	8,40	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,99	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Coliform*	MPN/100mL	3.800	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(***): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 924-12/22-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/12/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

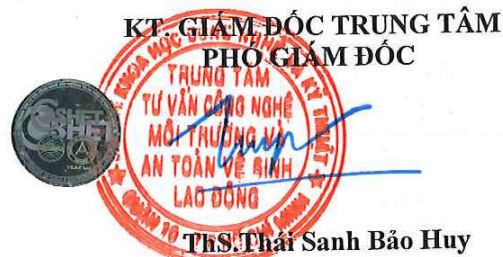
Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực cổng	58	32,4	67,1	1,1	ASTN
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ – 21 giờ: 70 21 giờ – 6 giờ: 55	-	-	-	-
2.Khu vực sản xuất	82	30,6	72,8	0,3	488
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 – 1,5	≥ 300

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 924-12/22-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/12/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
1.Khu vực cổng	0,15	2,23	0,039	0,026
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2
2.Khu vực sản xuất	0,40	3,12	0,073	0,047
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 924-12/22-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH WHITEROCK

2/ Địa chỉ : Quốc lộ 14, Đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/12/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,5 ⁰ C)	-	5,87	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	24	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	55	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	24	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	7,61	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,51	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Coliform*	MPN/100mL	3.100	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 01 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **39094****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2023 từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/01/2023	kWh	464	-	1.237.024
	(kèm theo bảng kê số 1193216760 ngày 09 tháng 01 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.237.024
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			123.702
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.360.726
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 09/01/2023 14:34:03

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **46112****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2023 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2023	kWh	966	-	1.726.87
	(kèm theo bảng kê số 1201107906 ngày 01 tháng 02 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.726.87
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			172.68
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.899.56
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/02/2023 10:51:10

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **74469****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 08/01/2023 đến ngày 07/02/2023 (kèm theo bảng kê số 1203265244 ngày 09 tháng 02 năm 2023)	kWh	264	-	703.82
Cộng tiền hàng (Total amount):					703.82
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			70.38
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			774.20
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm linh sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 09/ 02/ 2023 10:53:27

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **91833****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023	kWh	2.752	-	5.161.456
	(kèm theo bảng kê số 1211193844 ngày 01 tháng 03 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.161.456
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			516.146
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			5.677.602
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm linh hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/03/2023 09:39:08

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **134271****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 08/02/2023 đến ngày 07/03/2023 (kèm theo bảng kê số 1214624632 ngày 09 tháng 03 năm 2023)	kWh	557	-	1.484.962
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.484.962
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			148.496
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.633.458
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 09/ 03/ 2023 20:42:45

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **137512****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023	kWh	3.483	-	6.390.62
	(kèm theo bảng kê số 1221477685 ngày 01 tháng 04 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.390.62
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			639.06
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			7.029.68
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/04/2023 09:35:40

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **180049****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 08/03/2023 đến ngày 07/04/2023	kWh	494	-	1.317.004
	(kèm theo bảng kê số 1224149267 ngày 09 tháng 04 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.317.004
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			131.700
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.448.704
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 09/ 04/ 2023 15:06:54

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **183480****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023	kWh	4.199	-	7.756.02
	(kèm theo bảng kê số 1231781849 ngày 01 tháng 05 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.756.02
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			775.60
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			8.531.62
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/05/2023 10:01:40

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **226227****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2023 từ ngày 08/04/2023 đến ngày 07/05/2023 (kèm theo bảng kê số 1233475405 ngày 10 tháng 05 năm 2023)	kWh	400	-	1.068.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.068.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			106.840
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.175.240
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 10/ 05/ 2023 16:09:10

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **229574****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023	kWh	3.903	-	7.406.453
	(kèm theo bảng kê số 1242937028 ngày 01 tháng 06 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.406.453
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			740.645
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			8.147.098
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm chín mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/06/2023 13:43:23

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **262833****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 08/05/2023 đến ngày 07/06/2023	kWh	340	-	933.64
	(kèm theo bảng kê số 1246911145 ngày 12 tháng 06 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					933.64
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			93.36
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.027.00
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn không trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 12/ 06/ 2023 07:20:14

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **275727****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023	kWh	4.209	-	8.006.82
	(kèm theo bảng kê số 1253315004 ngày 03 tháng 07 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					8.006.82
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			640.54
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			8.647.37
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 03/ 07/ 2023 07:05:45

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **303039****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2023 từ ngày 08/06/2023 đến ngày 07/07/2023	kWh	469	-	1.287.874
	(kèm theo bảng kê số 1255493892 ngày 10 tháng 07 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.287.874
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			103.030
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.390.904
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 10/ 07/ 2023 08:22:31

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **322027****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023 (kèm theo bảng kê số 1263556020 ngày 01 tháng 08 năm 2023)	kWh	3.595	-	6.939.788
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.939.788
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			555.183
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			7.494.971
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/08/2023 10:53:45



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TGA

Số (No): 73984

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Whiterock

Mã số thuế (Tax code): 3801239934

Địa chỉ (Address): Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01010016064

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 05/08/2022 (kèm theo bảng kê số 1142848819 ngày 05 tháng 08 năm 2022)	kWh	4793	-	8.865.239
Tổng tiền hàng (Total amount):					8.865.239
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 709.219
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 9.574.458
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 11/08/2022 11:13:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 09 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TGA

Số (No): 124042

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Whitrock

Mã số thuế (Tax code): 3801239934

Địa chỉ (Address): Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01010016064

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2022 từ ngày 06/08/2022 đến ngày 05/09/2022 (kèm theo bảng kê số 1150490176 ngày 10 tháng 09 năm 2022)	kWh	3,247	-	6.108.305
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.108.305
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 488.664
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 6.596.969
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ủy ban CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 10/09/2022 13:10:13



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bán thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TGA

Số (No): 179127

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Whiterock

Mã số thuế (Tax code): 3801239934

Địa chỉ (Address): Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01010010064

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2022 từ ngày 06/09/2022 đến ngày 31/10/2022 (kèm theo bảng kê số 1169758148 ngày 01 tháng 11 năm 2022)	kWh	8,541	-	15.805.015
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					15.805.015
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.264.401
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 17.069.416
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/11/2022 14:29:46

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): **1K22TGA**Số (No): **215610****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2022 từ ngày 08/10/2022 đến ngày 07/11/2022	kWh	710	-	1.892.860
	(kèm theo bảng kê số 1172011461 ngày 10 tháng 11 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.892.860
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			151.429
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			2.044.289
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 10/11/2022 15:58:10

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): **1K22TGA**Số (No): **224394****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2022 từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/11/2022	kWh	3.636	-	6.688,524
	(kèm theo bảng kê số 1179652091 ngày 01 tháng 12 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.688,524
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			535,082
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			7.223,606
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm linh sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 01/ 12/ 2022 11:18:09

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): **1K22TGA**Số (No): **266315****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH WHITEROCK**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010003409**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2022 từ ngày 08/11/2022 đến ngày 07/12/2022	kWh	423	-	1.127.718
	(kèm theo bảng kê số 1183431956 ngày 10 tháng 12 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.127.718
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			90.217
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.217.935
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu hai trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 10/ 12/ 2022 15:54:07

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011****Địa chỉ (Address):** Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 - 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Đồng Xoài - Số TK: 0411000429007 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 01 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1K23TGA**Số (No): **499****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Whiterock**Mã số thuế (Tax code):** 3801239934**Địa chỉ (Address):** Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB01010016064**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2022 từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022	kWh	3.214	-	6.223.682
	(kèm theo bảng kê số 1191099600 ngày 04 tháng 01 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.223.682
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			622.368
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			6.846.050
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 04/ 01/ 2023 10:11:20



山东飞度胶业科技股份有限公司
SHANDONG FEIDU ADHESIVE TECHNOLOGY SHARES CO.,LTD

NO.369 ROAD,DONGCHENG COMMUNITY,,LINQU COUNTY,

WEIFNAG CITY,SHANDONG PROV.,CHINA

TEL: 0086-536-3688606

FAX: 0086-536-3711588

BẢNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

CHÚ Ý: Cung cấp thông tin này cho nhân viên, khách hàng và người dùng sản phẩm này. Đọc MSDS này trước khi xử lý hoặc vứt bỏ sản phẩm này. Sản phẩm này tuân theo Tiêu chuẩn Giao tiếp Nguy hiểm OSHA và tài liệu này đã được chuẩn bị phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn này. Tất cả các thuật ngữ viết tắt được sử dụng trong MSDS này được mô tả thêm trong Phần 16.

PHẦN 1 - SẢN PHẨM HÓA CHẤT / THÔNG TIN CÔNG TY

Tên sản phẩm : keo silicone

Ngày sửa đổi: 01/01/2021

Hạn cập nhật: 31/12/2021

Số MSDS: 70713-67-9

Nhà sản xuất: Shandong Feidu Adhesive Technology Shares Co., Ltd No.369, Yuzhong Road, Dongcheng Community, Linqu County, Weifang City, Shandong Prov., China

86 + 536 + 3688606 (vấn đề không khẩn cấp)

PHẦN 2 - THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên hóa học	CAS NO	WT%
a.w-dihydroxy polydimethylsiloxane	63148-62-9	50%
Silicone oil	9006-65-9	20%
	14	
PADDING	464-46-1	20%
MULTIFUNCTIONAL SILANE COMPOUND	64265-57-2	10%

PHẦN 3 – NHẬN DẠNG CÁC MÔI NGUY

Ảnh hưởng sức khỏe

- Nuốt phải : Có thể gây kích ứng hệ tiêu hóa.

Các triệu chứng có thể bao gồm buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy.

- Mắt : Gây khó chịu cho mắt. Các triệu chứng có thể bao gồm đỏ, chảy nước mắt nhiều, châm chích và sưng tấy.
- Da : Kích ứng da. Các triệu chứng có thể bao gồm mẩn đỏ và ngứa. Tiếp xúc với da nhiều lần hoặc kéo dài có thể dẫn đến viêm da. Có thể gây ra mẩn cảm khi tiếp xúc với da.
- Hít phải : Có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Các triệu chứng có thể bao gồm đau đầu, buồn nôn và chóng mặt.
- Các nguy cơ mãn tính: Nguy cơ có thể xảy ra các tác động không thể đảo ngược. Các loài gặm nhấm tiếp xúc với hơi MEKO trong suốt cuộc đời của chúng sẽ phát triển thành ung thư gan. Thử nghiệm bổ sung được nhà cung cấp MEKO lên kế hoạch để xác định bất kỳ mức độ liên quan nào đối với con người. Cho đến khi biết thêm dữ liệu, mức độ phơi nhiễm nên được duy trì ở mức thấp nhất có thể đạt được. Các tác động tiềm ẩn được liệt kê ở trên của việc phơi nhiễm quá mức dựa trên dữ liệu thực tế, kết quả của các nghiên cứu được thực hiện trên các chế phẩm tương tự, dữ liệu thành phần và / hoặc đánh giá của chuyên gia về sản phẩm.

PHẦN 4 – CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- Tiếp xúc với mắt: Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với một lượng lớn nước trong ít nhất 15 phút cho đến khi giảm kích ứng. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.
- Tiếp xúc với da: Rửa sạch ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Nhận trợ giúp y tế nếu các triệu chứng vẫn còn. Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn.
- Hít phải: Nếu hít phải, di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở, hãy rời khỏi khu vực đó để có không khí trong lành. Nếu vẫn tiếp tục bị khó thở, hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức.
- Nuốt phải: Nếu nuốt phải, KHÔNG ĐƯỢC NGUỒN GỐC. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Nếu nuốt phải, hãy uống 2 cốc nước. Đến gặp thầy thuốc ngay lập tức. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh.
- Lưu ý với bác sĩ: Không có thông tin.

NHẬN XÉT: Gọi Cấp cứu Y tế theo số 115 nếu có bất kỳ kích ứng hoặc biến chứng nào phát sinh từ bất kỳ con đường xâm nhập nào ở trên.

PHẦN 5 - CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Cháy / Nổ. Nguy hiểm : Sản phẩm không cháy.
- Sự cháy nguy hiểm : Các sản phẩm cháy bao gồm các oxit của kim loại, các oxit của cacbon, silic đioxit, các oxit nitơ và fomandehit.
- Phân hủy nguy hiểm hoặc các sản phẩm phụ : Oxit kim loại, oxit cacbon, silic đioxit, oxit nitơ và fomandehit.
- Biện pháp Phòng ngừa Chữa cháy : Các nhân viên chữa cháy phải mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và thiết bị thở khép kín.
- Phương tiện chữa cháy : Sử dụng hóa chất khô, carbon dioxide, bột hoặc bình xịt nước để dập lửa. Dùng vòi xịt nước để làm mát bể chứa, đường ống và các bề mặt tiếp xúc với lửa.
- Mã Hazchem : Không được phân bổ

PHẦN 6: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI TAI NẠN XẢY RA:

- Các bước cần thực hiện nếu vật liệu bị phát tán hoặc đổ tràn: Mặc quần áo và thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp để giảm thiểu phơi nhiễm. Dập tắt hoặc loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy và ngăn chặn rò rỉ nếu làm như vậy an toàn.
- Tăng khả năng thông gió.
- Sơ tán tất cả nhân sự không cần thiết. Nếu có thể, hãy chứa chất tràn. Đặt vật liệu hấp thụ trợ, không cháy lên chỗ đổ. Sử dụng các dụng cụ sạch không phát ra tia lửa để thu thập vật liệu và cho vào thùng chứa có dán nhãn thích hợp để xử lý tiếp theo. Xử lý chất thải theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA), các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương. Nếu một lượng lớn vật liệu này đi vào đường nước, hãy liên hệ với EPA hoặc Cơ quan quản lý chất thải địa phương của bạn.
- Cảnh nhắc Xử lý: Xử lý chất thải theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường, các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

PHẦN 7: BỐC XẾP VÀ BẢO QUẢN

Bốc xếp: Mở hộp chứa một cách thận trọng vì bên trong có thể bị áp lực. Chỉ sử dụng ở nơi thông thoáng. KHÔNG lưu trữ hoặc sử dụng trong không gian hạn chế. Không đi vào những khu vực này mà không có thiết bị bảo vệ hô hấp hoặc cho đến khi bầu không khí đã được kiểm tra. Đậy kín thùng và các thùng chứa khi không sử dụng. Phải ngăn chặn sự tích tụ sương mù hoặc hơi trong khí quyển. Tránh hít phải hơi và sương mù. Không sử dụng gần hàn hoặc các nguồn đánh lửa khác và tránh tia lửa. Không hút thuốc. Khi tiếp xúc với số lượng lớn, cần ngăn ngừa tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài mà không có biện pháp bảo vệ để giảm thiểu khả năng bị rối loạn. Điều cần thiết là tất cả những người tiếp xúc với vật liệu

này phải duy trì các tiêu chuẩn cao về vệ sinh cá nhân, tức là rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị vệ sinh.

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa các nguồn bắt lửa, chất oxy hóa, thực phẩm, quần áo và tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo vệ khỏi độ ẩm. Đậy kín các thùng chứa khi không sử dụng và được niêm phong an toàn và bảo vệ khỏi hư hỏng vật lý. Thường xuyên kiểm tra các khiếm khuyết như hư hỏng hoặc rò rỉ. Chuẩn bị sẵn các bình chữa cháy thích hợp trong và gần khu vực cất giữ. Đề phòng sự phóng điện tĩnh điện. Sử dụng quy trình nối đất thích hợp. KHÔNG tạo áp suất, cắt, gia nhiệt hoặc hàn các thùng chứa vì chúng có thể chứa dư lượng nguy hiểm.

PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các biện pháp phòng ngừa: Không có thông tin.

Giới hạn Phơi nhiễm: Không có giá trị nào được chỉ định cho vật liệu cụ thể này bởi Ủy ban An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia Úc (NOHSC) hoặc Dịch vụ An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (OSH) của Bộ Lao động New Zealand. Như với tất cả các loại hóa chất, sự tiếp xúc nên được giữ ở mức thấp nhất có thể.

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp đủ thông gió. Khi tạo ra hơi hoặc sương mù, đặc biệt là trong các khu vực kín và hệ thống thông gió tự nhiên không đủ, cần phải có hệ thống thông gió thải cục bộ.

Bảo vệ đường hô hấp: Trong trường hợp không đủ thông gió, hãy đeo thiết bị hô hấp phù hợp. Mặt nạ phòng độc làm sạch không khí được NIOSH phê duyệt với hộp hoặc hộp chứa hơi hữu cơ có thể cần thiết trong một số trường hợp nhất định khi nồng độ trong không khí dự kiến sẽ vượt quá giới hạn phơi nhiễm. Chương trình bảo vệ đường hô hấp đáp ứng các yêu cầu OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 phải được tuân thủ bất cứ khi nào điều kiện nơi làm việc cho phép sử dụng mặt nạ phòng độc.

Bảo vệ mắt: Kính an toàn có tấm chắn bên hoặc tấm che mặt phù hợp được khuyến nghị. Lựa chọn cuối cùng về biện pháp bảo vệ mắt / mặt thích hợp sẽ thay đổi tùy theo từng trường hợp cụ thể, tức là các phương pháp xử lý hoặc kiểm soát kỹ thuật và theo các đánh giá rủi ro được thực hiện.

Loại găng tay: Nên dùng găng tay không thấm nước. Lựa chọn cuối cùng của găng tay thích hợp sẽ thay đổi tùy theo từng trường hợp cụ thể, tức là phương pháp xử lý hoặc theo các đánh giá rủi ro được thực hiện.

Quần áo: Mặc quần áo thích hợp bao gồm tạp dề chống hóa chất ở những nơi quần áo có khả năng bị nhiễm bẩn. Nên tham khảo ý kiến của nhà cung cấp quần áo bảo hộ cá nhân tại địa phương về việc lựa chọn chất liệu. Thông tin khác: Không phân bổ giới hạn sinh học.

Thực hành vệ sinh: Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và khi kết thúc ngày làm việc.

PHẦN 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Hình thức: Dán mờ	Điểm nóng chảy: Không có
Điểm sôi: Không có	Trọng lượng riêng: 1.418
Điểm chớp cháy: Không có sẵn Cháy.	Giới hạn LEL: Không có sẵn
Cháy. Giới hạn	UEL: Không khả dụng Khả năng hòa tan trong nước: Không khả dụng
Nhiệt độ tự động: Không có	Mật độ hơi: Không có
Độ pH: Không có	Mùi: Một số mùi.

Trạng thái vật lý: Dán

PHẦN 10 - TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Các điều kiện cần tránh: Nhiệt độ quá cao và ánh nắng trực tiếp.

Phản ứng nguy hiểm : Phản ứng nguy hiểm với các chất oxy hóa.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Oxit kim loại, oxit cacbon, silic đioxit, oxit nitơ và fomandehit.

Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý bình thường.

PHẦN 11 - THÔNG TIN VỀ CHẤT ĐỘC

Độc tính: Không có dữ liệu về độc tính cho sản phẩm này.

Độc tính sinh sản: Octamethylcyclotetrasiloxane.

Tính gây đột biến: Chưa biết.

Khả năng gây ung thư: Chưa biết.

Báo cáo rủi ro:

R43 Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.

R40 (3) Nguy cơ có thể xảy ra các tác động không thể đảo ngược.

R36 / 38 Gây khó chịu cho mắt và da.

Tuyên bố An toàn:

S45 Trong trường hợp tai nạn hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế ngay lập tức

S24 / 25 Tránh tiếp xúc với da và mắt.

S36 / 37/39 Mặc quần áo bảo hộ, găng tay và thiết bị bảo vệ mắt / mặt thích hợp.

Tích lũy sinh học: Không có dữ liệu cho vật liệu cụ thể này.

Độc tính với hệ sinh thái : Không có sẵn dữ liệu cho vật liệu cụ thể này.

Độ bền / Khả năng phân hủy : Không có sẵn dữ liệu cho vật liệu cụ thể này

Tính di động : Không có sẵn dữ liệu cho vật liệu cụ thể này.

Lịch sử SDS : MSDS Tạo: tháng 5 năm 2008.

PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin Sinh thái: Không để sản phẩm đi vào cống rãnh, đường nước hoặc cống rãnh.

PHẦN 13 - THÔNG TIN THẢI BỎ

Thông tin về Thải bỏ: Vứt bỏ vật liệu theo tất cả các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương. Các quy định / hạn chế của Tiểu bang và Địa phương rất phức tạp và có thể khác với các quy định của Liên bang. Chủ sở hữu chất thải có trách nhiệm xử lý chất thải thích hợp.

PHẦN 14 - THÔNG TIN VẬN TẢI

Vận tải đường biển (IMDG): Không tuân theo mã IMDG.

Vận tải hàng không (IATA): Không tuân theo các quy định của IATA.

Yêu cầu đặc biệt và thông tin bổ sung: Không có.

PHẦN 15 - THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Hạng mục Nguy hiểm: Có hại, Gây khó chịu.

IECSC: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn trừ.

KECL: Tất cả các thành phần được liệt kê, miễn hoặc thông báo.

MITI: Tất cả các thành phần được liệt kê trên ENCS hoặc quy tắc miễn trừ của nó.

TSCA (Hoa Kỳ): Tất cả các chất hóa học trong vật liệu này được đưa vào hoặc được miễn trừ khỏi danh sách trong Bảng kiểm kê các chất hóa học TSCA. AICS (Úc): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn trừ.

DSL (Canada): Tất cả các chất hóa học trong tài liệu này đều được đưa vào hoặc được miễn trừ khỏi DSL.

PICCS (Philippines): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn trừ.

EINECS / ELINCS (EC): EINECS: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn trừ.

PHẦN 16 - THÔNG TIN KHÁC

LỜI KHUYÊN QUAN TRỌNG: MSDS này tóm tắt kiến thức tốt nhất của chúng tôi về thông tin nguy cơ sức khỏe và an toàn của sản phẩm cũng như cách xử lý và sử dụng sản phẩm an toàn tại nơi làm việc. Mỗi người dùng nên đọc MSDS này và xem xét thông tin trong bối cảnh sản phẩm sẽ được xử lý và sử dụng như thế nào tại nơi làm việc bao gồm cả việc sử dụng nó cùng với các sản phẩm khác. Nếu cần làm rõ hoặc cần thêm thông tin để đảm bảo rằng có thể thực hiện đánh giá rủi ro thích hợp, người dùng nên liên hệ với Nuplex Industries (Aust) Pty Ltd. cho khách hàng của chúng tôi và cũng có sẵn theo yêu cầu.

Báo cáo bởi:

Tên công ty: Shandong Feidu Adhesive Technology Shares Co., Ltd

Người được ủy quyền: Bà Sheryl

Chữ ký:

Ngày: 01/03/2021



QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Chăm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: VIMCERTS 026

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 026

(Cấp lần 08)

Tên tổ chức:

Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn
về sinh lao động

Trụ sở chính: Số 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10,
Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 2045/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt
động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Phạm Thị Loan Chức vụ: Giám đốc

CMND: 020975546 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Cấp ngày 26 tháng 02 năm 2008

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 16 tháng 9 năm 2020

Đến ngày 15 tháng 9 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 04 Do tại hiện trường: 10 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 Do tại hiện trường: 05 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 Do tại hiện trường: 08 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 Do tại hiện trường: 04 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 Do tại hiện trường: 08 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 37 thông số Do tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 68 thông số Do tại hiện trường: 13 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số
5. Bùn:	Lấy mẫu: 01 thông số
6. Chất thải:	Lấy mẫu: 01 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	43 thông số
- Nước thải:	41 thông số
- Nước dưới đất:	44 thông số
- Nước biển:	29 thông số
- Nước mưa:	11 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	36 thông số
- Khí thải:	64 thông số
3. Đất:	18 thông số
4. Trầm tích:	11 thông số
5. Bùn:	22 thông số
6. Chất thải:	27 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số: 2045/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

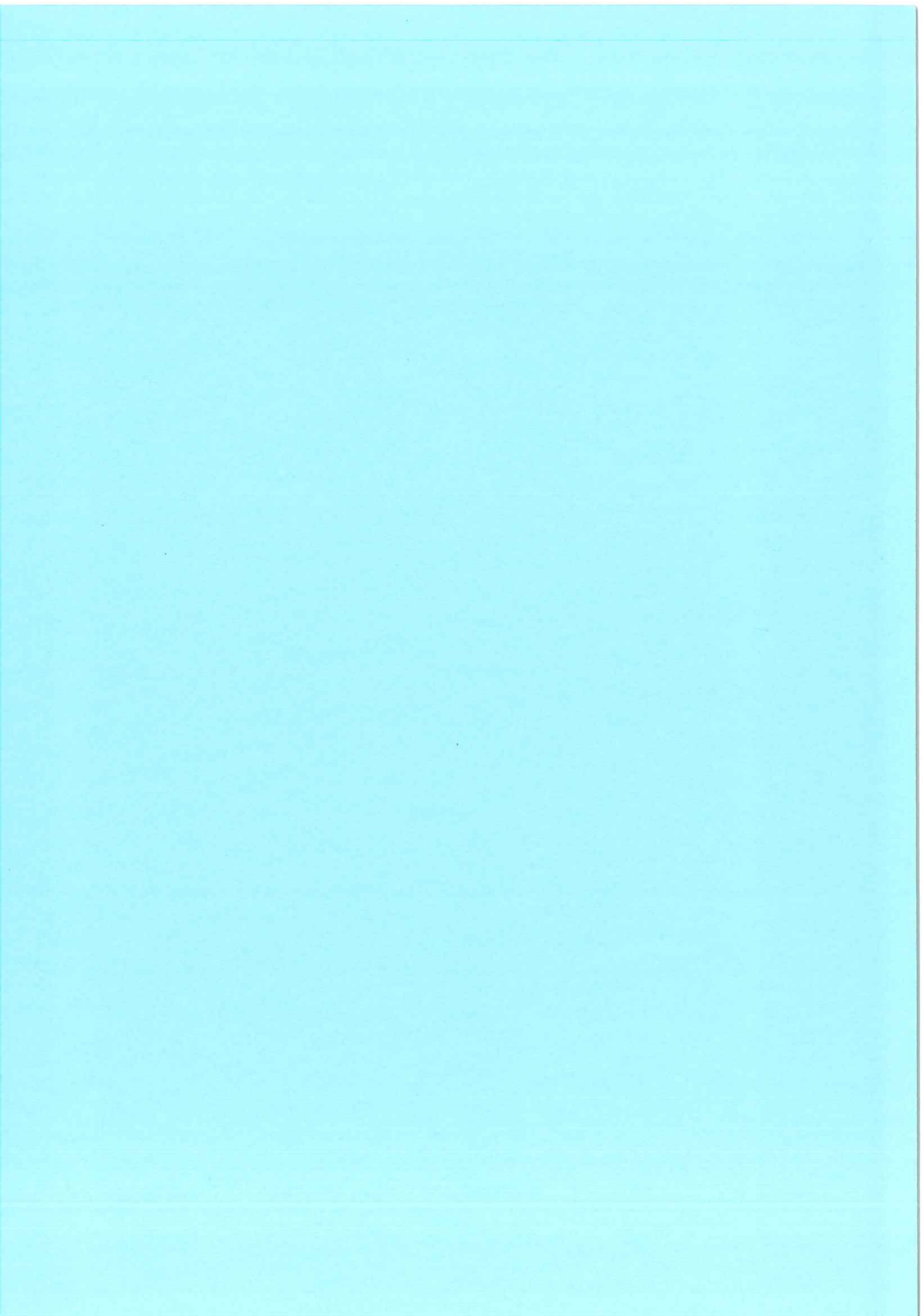
Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

KI, BỘ TRƯỞNG

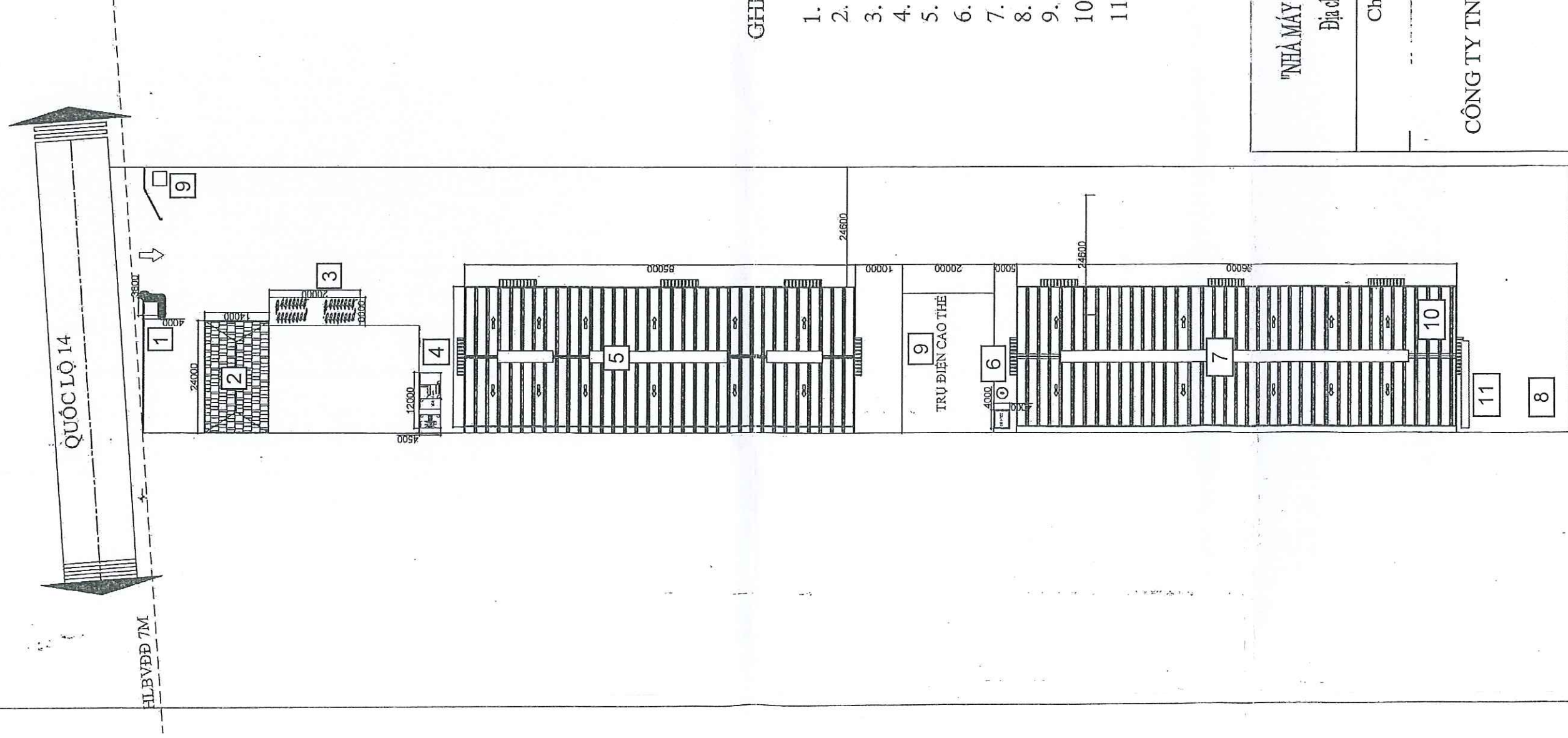
THỦ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân





MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG



GHI CHÚ:

1. Nhà bảo vệ
2. Nhà vận phòng
3. Nhà để xe
4. Nhà vệ sinh
5. Kho
6. Bể PCCC
7. Xưởng sản xuất
8. Tháp nước
9. Trạm điện
10. Bể chứa nước thải ngầm
11. Kho chất thải

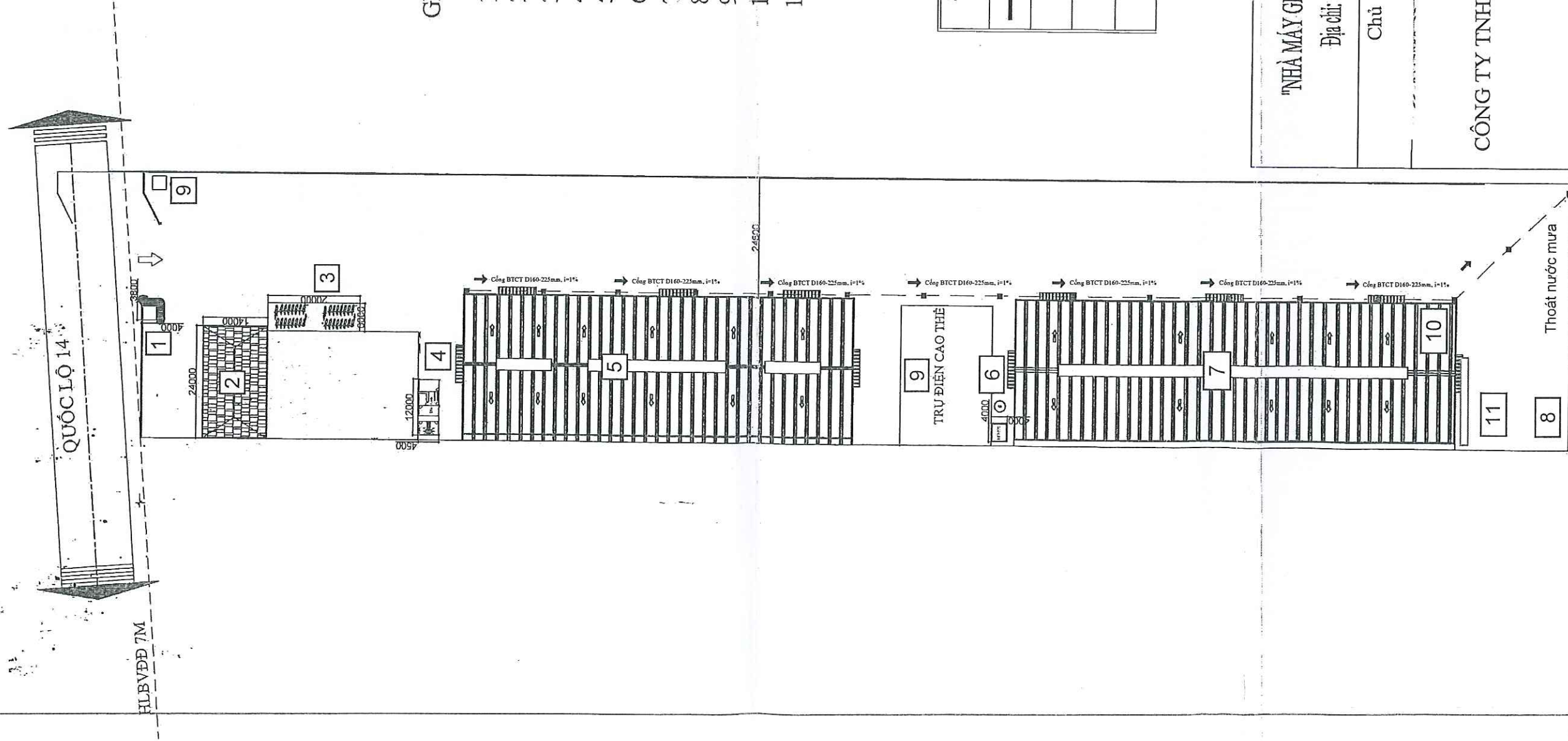
Dự án: "NHÀ MÁY GIA CÔNG ĐÁ GRANITE, CÔNG SUẤT 96.000 M² SẢN PHẨM NĂM"
Địa chỉ: Quốc lộ 14, đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Chủ dự án

CÔNG TY TNHH WHITEROCK



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



GHI CHÚ:

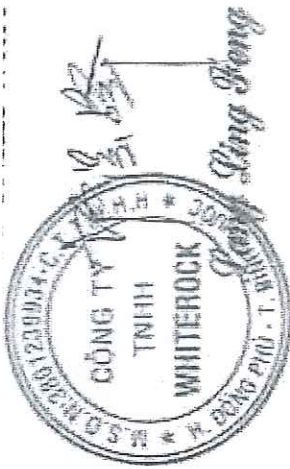
- 1. Nhà bảo vệ
- 2. Nhà văn phòng
- 3. Nhà để xe
- 4. Nhà vệ sinh
- 5. Kho
- 6. Bể PCCC
- 7. Xưởng sản xuất
- 8. Tháp nước
- 9. Trạm điện
- 10. Bể chứa nước thải ngầm
- 11. Kho chất thải

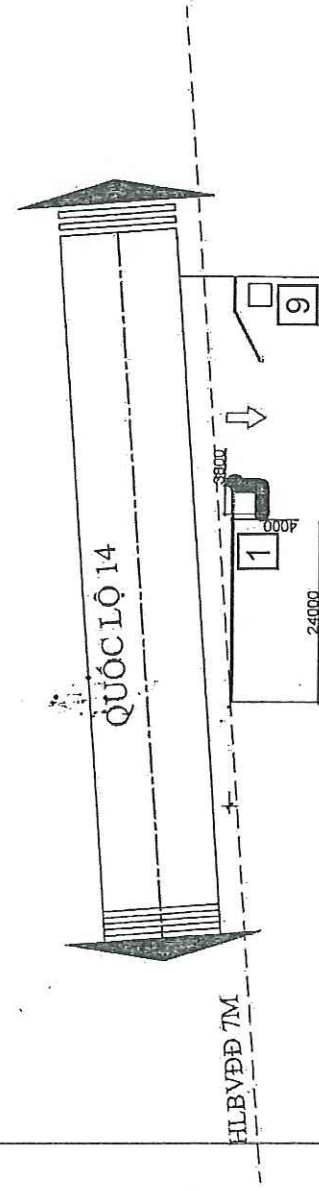
SYMBOL KÝ HIỆU	DESCRIPTION MÔ TẢ CÔNG VIỆC
---	STORM-WATER DRAINAGE CONCRETE PIPE CỐNG BTCT THU NƯỚC MƯA
	STORM-WATER DRAINAGE MANHOLE TYPE A HỐ GA NƯỚC MƯA
	STORM-WATER DRAINAGE MANHOLE TYPE B HỐ GA NƯỚC MƯA LOẠI B
	FLOW - HƯỚNG DÒNG CHẢY

Dự án: "NHÀ MÁY GIA CÔNG ĐÁ GRANITE, CÔNG SUẤT 96,000 M² SẢN PHẨM/NĂM"
Địa chỉ: Quốc lộ 14, đội 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Chủ dự án

CÔNG TY TNHH WHITEROCK





1. Nhà bảo vệ
2. Nhà văn phòng
3. Nhà để xe
4. Nhà vệ sinh
5. Kho
6. Bể PCCC
7. Xưởng sản xuất
8. Tháp nước
9. Trạm điện
10. Bể chứa nước thải ngầm
11. Kho chất thải

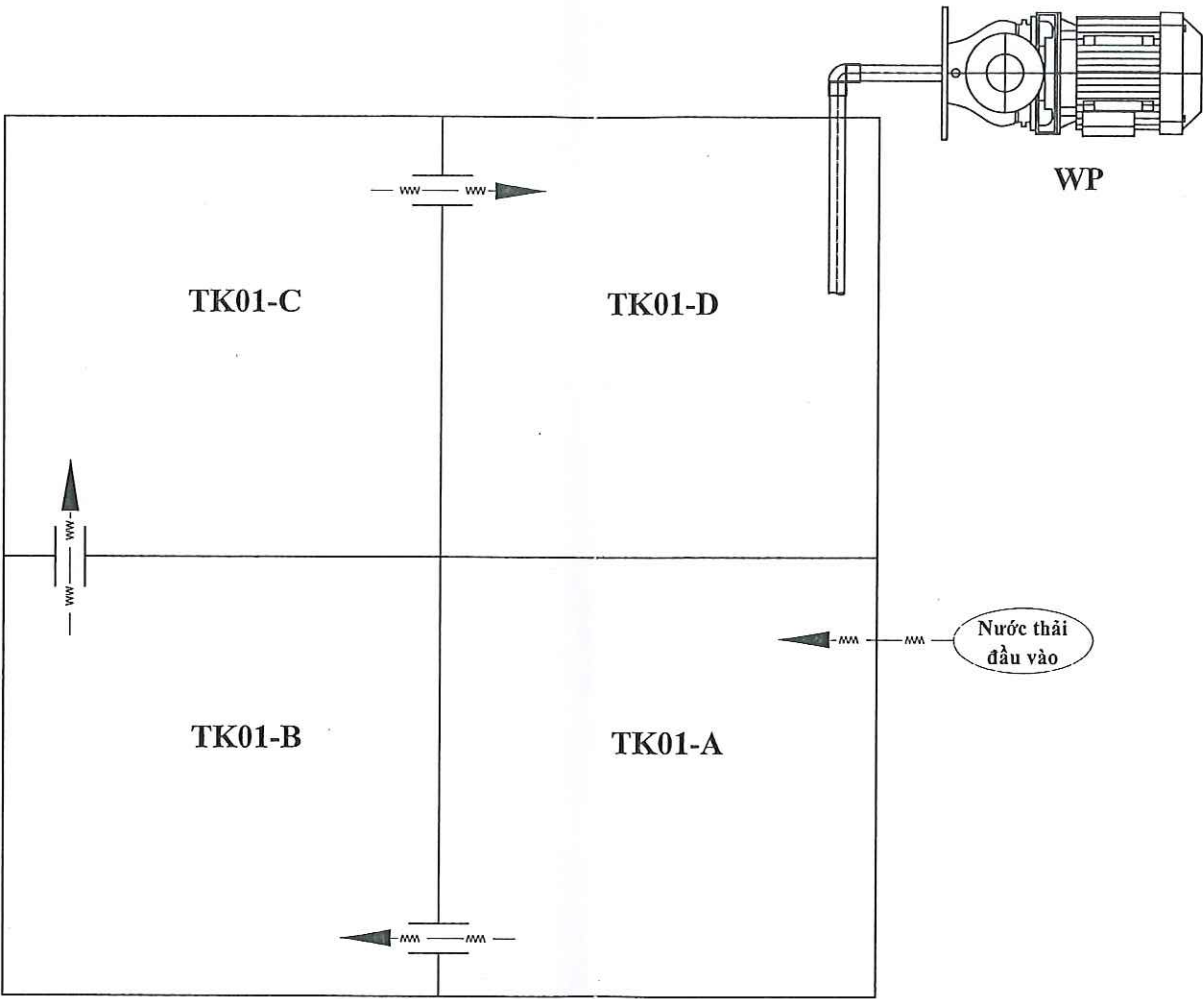
SYMBOL KÝ HIỆU	DESCRIPTION MÔ TẢ CÔNG VIỆC
— — —	DRAIN-WATER DRAINAGE CONCRETE PIPE MƯƠNG BTCT THU NƯỚC THẢI
	FLOW - HƯỚNG DÒNG CHẢY

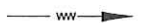
"NHÀ MÁY GIA CÔNG ĐÁ GRANITE, CÔNG SUẤT 96.000 M² SẢN PHẨM NĂM"
Địa chỉ: Quốc lộ 14, đồi 2, ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY TNHH WHITE ROCK



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



CHÚ THÍCH ĐƯỜNG:		TÊN CÔNG TRÌNH ĐƠN VỊ		KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	TK01-A	NGĂN LẮNG A	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-B	NGĂN LẮNG B	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-C	NGĂN LẮNG C	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-D	NGĂN CHỨA NƯỚC SAU LẮNG	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		WP	BƠM TUẦN HOÀN		



LƯU Ý - NOTE

MỌI KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG. NẾU CÓ KHÁC BIỆT CẦN BÁO NGAY CHO THIẾT KẾ ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ

KHI THÌ CÔNG CẦN PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ PHẬN NHƯ KIẾN TRÚC, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN, PCCC. NẾU CÓ KHÁC BIỆT CẦN BÁO NGAY CHO THIẾT KẾ ĐỂ XỬ LÝ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ CƠ SỞ

☒

DESIGN DEVELOPMENT

THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐

DETAIL DESIGN

ĐẦU THẦU

☐

TENDER

THI CÔNG

☐

CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG

☐

COMPLETION

Vị trí bản vẽ/Key plan

H. chỉnh

Diễn giải

Ngày phát hành

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH WHITE ROCK

Địa chỉ: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

THIẾT KẾ-TƯ VẤN

Giám đốc:

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT)

HẠNG MỤC

Địa điểm

Tên bản vẽ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

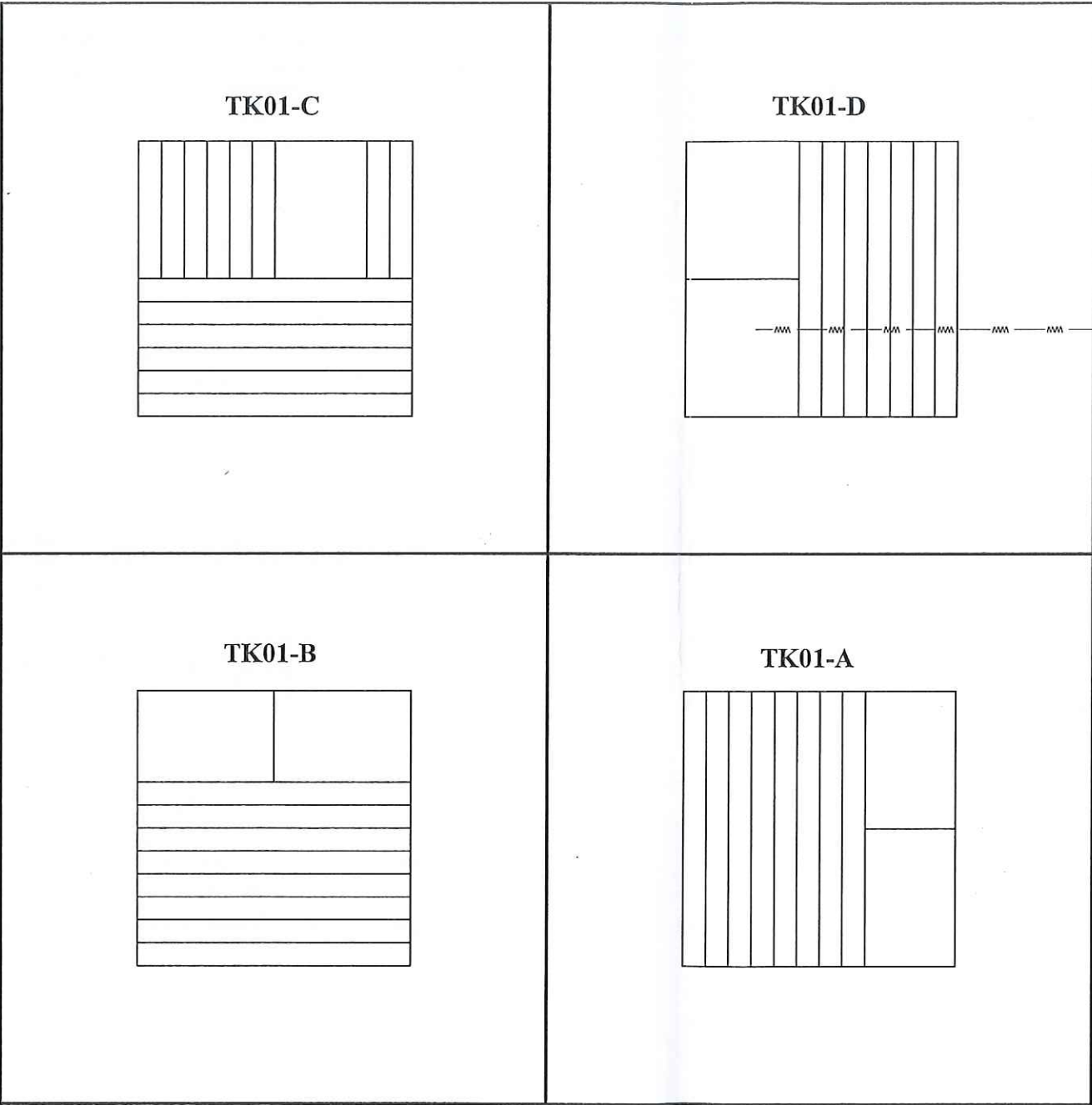
Tên dữ liệu

Ngày phát hành HS

Số hiệu bản vẽ

Tỷ lệ:

MẶT BẰNG BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



CHÚ THÍCH ĐƯỜNG:		TÊN CÔNG TRÌNH ĐƠN VỊ		KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	TK01-A	NGĂN LẮNG A	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-B	NGĂN LẮNG B	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-C	NGĂN LẮNG C	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-D	NGĂN CHỨA NƯỚC SAU LẮNG	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		WP	BƠM TUẦN HOÀN		

LƯU Ý - NOTE

Mọi kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trường. Nếu có khác biệt cần báo ngay cho thiết kế để phối hợp xử lý.

Khi thi công cần phối hợp bản vẽ của tất cả các bộ phận như kiến trúc, kết cấu, cơ điện, PCCC. Nếu có khác biệt cần báo ngay cho thiết kế để xử lý.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

Thiết kế cơ sở	☒	DESIGN DEVELOPMENT
Thiết kế chi tiết	☐	DETAIL DESIGN
Đầu thầu	☐	TENDER
Thi công	☐	CONSTRUCTION
Hoàn công	☐	COMPLETION

Vị trí bản vẽ/Key plan

H. chỉnh	Diễn giải	Ngày phát hành

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH WHITEROCK

Địa chỉ: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đông Phú, Tỉnh Bình Phước.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

THIẾT KẾ - TƯ VẤN

Giám đốc:

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT)

HẠNG MỤC

Địa điểm

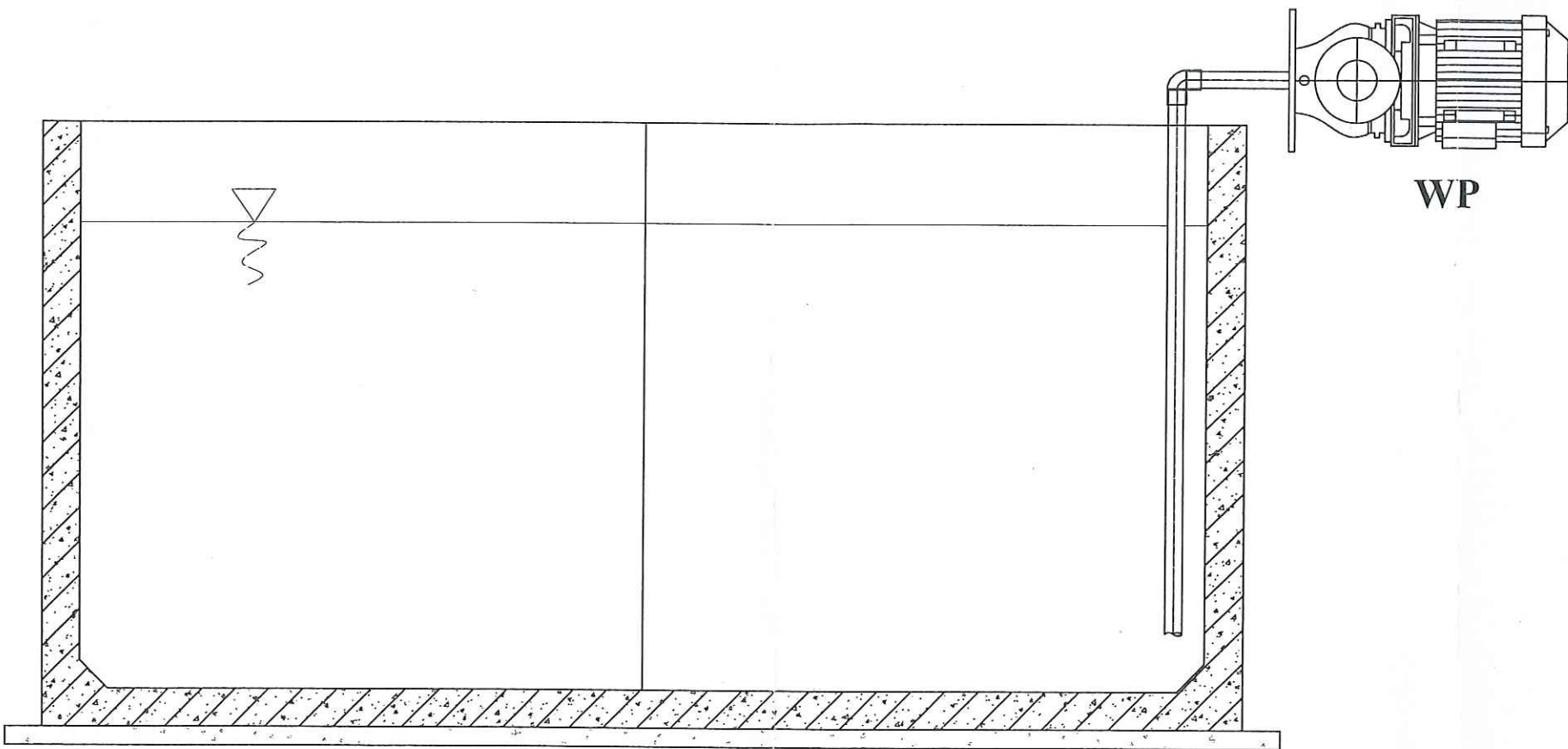
Tên bản vẽ

MẶT BẰNG BỂ LẮNG

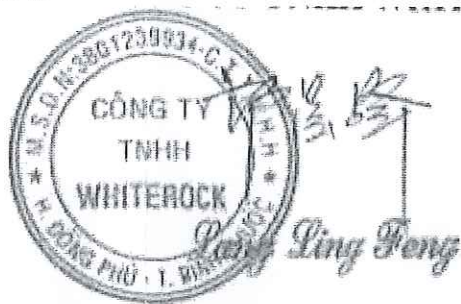
NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Tên dự liệu	Ngày phát hành HS
Số hiệu bản vẽ	Tỷ lệ:

MẶT CHIẾU ĐỨNG BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



CHÚ THÍCH ĐƯỜNG:		TÊN CÔNG TRÌNH ĐƠN VỊ		KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	TK01-A	NGĂN LẮNG A	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-B	NGĂN LẮNG B	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-C	NGĂN LẮNG C	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		TK01-D	NGĂN CHỨA NƯỚC SAU LẮNG	L x W x H = 3 x 3 x 3M	BTCT
		WP	BƠM TUẦN HOÀN		



LƯU Ý - NOTE

MỌI KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG. NẾU CÓ KHÁC BIỆT CẦN BÁO NGAY CHO THIẾT KẾ ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ

KHI THI CÔNG CẦN PHỐI HỢP BẢN VẼ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ PHẬN NHƯ KIẾN TRÚC, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN, PCCC. NẾU CÓ KHÁC BIỆT CẦN BÁO NGAY CHO THIẾT KẾ ĐỂ XỬ LÝ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ CƠ SỞ

☒

DESIGN DEVELOPMENT

THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐

DETAIL DESIGN

ĐẦU THẦU

☐

TENDER

THI CÔNG

☐

CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG

☐

COMPLETION

Vị trí bản vẽ/Key plan

H. chính

Diễn giải

Ngày phát hành

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH WHITEROCK

Địa chỉ: Quốc lộ 14, Đội 2, Ấp 3, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

THIẾT KẾ-TƯ VẤN

Giám đốc:

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT)

HẠNG MỤC

Địa điểm

Tên bản vẽ

MẶT CHIẾU ĐỨNG BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Tên dữ liệu

Ngày phát hành HS

Số hiệu bản vẽ

Tỷ lệ: